

<u>LỜI MỞ ĐẦU</u>	1
CHƯƠNG I: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1.1. Sự cần thiết của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	2
1.1.2. Các khái niệm cơ bản	
<i>1.1.2.1. Doanh thu</i>	3
<i>1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	5
<i>1.1.2.3. Chi phí</i>	6
<i>1.1.2.4. Kết quả hoạt động kinh doanh</i>	7
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	8
1.2. NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	9
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9
<i>1.2.1.1. Chứng từ sử dụng</i>	9
<i>1.2.1.2. Tài khoản sử dụng</i>	9
<i>1.2.1.3. Phương pháp hạch toán</i>	11
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	11
<i>1.2.2.1. Chứng từ sử dụng</i>	11
<i>1.2.2.2. Tài khoản sử dụng</i>	11
<i>1.2.2.3. Phương pháp hạch toán</i>	13
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	14
<i>1.2.3.1. Chứng từ sử dụng</i>	14
<i>1.2.3.2. Tài khoản sử dụng</i>	14
<i>1.2.3.3. Cách xác định giá vốn hàng bán</i>	15
<i>1.2.3.4. Phương pháp hạch toán</i>	15
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	17
<i>1.2.4.1. Chứng từ sử dụng</i>	17
<i>1.2.4.2. Tài khoản sử dụng</i>	17
<i>1.2.4.3. Phương pháp hạch toán</i>	19
1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	21
<i>1.2.5.1. Chứng từ sử dụng</i>	21
<i>1.2.5.2. Tài khoản sử dụng</i>	21
<i>1.2.5.3. Phương pháp hạch toán</i>	22

1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí khác	23
<i>1.2.6.1.Chứng từ sử dụng</i>	23
<i>1.2.6.2.Tài khoản sử dụng</i>	24
<i>1.2.6.3. Phương pháp hạch toán</i>	25
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	26
<i>1.2.7.1. Chứng từ sử dụng</i>	26
<i>1.2.7.2. Tài khoản sử dụng</i>	26
<i>1.2.7.3. Phương pháp hạch toán</i>	26
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN	28
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN	28
2.1.1. Quá trình phát triển của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An	28
2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An	29
2.1.3 Tổ chức kế toán tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An	31
<i>2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán</i>	31
<i>2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán</i>	33
<i>2.1.3.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán</i>	33
<i>2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán</i>	33
<i>2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính</i>	33
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN	34
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An	34
<i>2.2.1.1.Chứng từ sử dụng</i>	34
<i>2.2.1.2.Tài khoản sử dụng</i>	34
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An	46
<i>2.2.2.1.Chứng từ sử dụng</i>	46
<i>2.2.2.2.Tài khoản sử dụng</i>	46
<i>2.2.2.3. Trình tự hạch toán</i>	46
2.2.3.Doanh thu hoạt động tài chính	50
<i>2.2.3.1. Chứng từ sử dụng</i>	50
<i>2.2.3.1.Tài khoản sử dụng</i>	50
<i>2.2.3.2. Trình tự hạch toán</i>	51
2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp	57
<i>2.2.4.1.Chứng từ sử dụng</i>	57

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng	57
2.2.4.3. Trình tự hạch toán	58
2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu t xây dựng Hải An	66
CHƯƠNG III: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T XÂY DỰNG HẢI AN	73
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T XÂY DỰNG HẢI AN	73
3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	73
3.1.2. Ưu điểm	73
3.1.3. Nhược điểm	74
3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU T XÂY DỰNG HẢI AN	75
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	75
3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu , chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu t xây dựng Hải An	76
3.2.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán	76
3.2.2.2. Hoàn thiện về hiện đại hoá công tác kế toán	88
3.2.2.3. Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ	88
3.2.2.4. Một số giải pháp khác	88
<u>Kết luận</u>	94

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh. Đồng thời với cơ chế thị trường, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp là một điều tất yếu. Để tồn tại và phát triển doanh nghiệp phải tính toán một cách đầy đủ và chính xác toàn bộ chi phí bỏ ra, doanh thu nhận được cũng như kết quả kinh doanh. Chính vì vậy tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành rất quan trọng của công tác hạch toán kế toán. Nó góp phần phản ánh, cung cấp chính xác và kịp thời những thông tin cho các lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn.

Nhận thức được vấn đề trên nên trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An em đã chọn đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình và được kết cấu làm 3 phần:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương II: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An

Em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Mai Linh, các thầy cô trong khoa quản trị kinh doanh trường ĐHDL Hải Phòng, các phòng ban trong công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 6 năm 2008

Sinh viên

Vũ Thị Thuỳ

CHƯƠNG I

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1. Sự cần thiết của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra các sản phẩm và cung cấp dịch vụ nhằm thoả mãn nhu cầu của thị trường thông qua quá trình bán hàng với mục tiêu lợi nhuận.

Bán hàng là việc chuyển quyền sở hữu của sản phẩm hàng hoá gắn với phần lợi ích hoặc rủi ro của khách hàng, đồng thời khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán. Quá trình bán hàng là giai đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất kinh doanh, nó có ý nghĩa quan trọng đối với các doanh nghiệp bởi vì quá trình này chuyển từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị giúp các doanh nghiệp thu hồi vốn để tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp theo.

Để thực hiện quá trình bán hàng và cung cấp dịch vụ doanh nghiệp phải chi ra các khoản chi phí. Đó là tổng giá trị làm giảm lợi ích kinh tế trong thời kỳ d-ới hình thức các khoản tiền đã chi ra, các khoản khấu trừ hoặc phát sinh các khoản nợ làm giảm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp. Đồng thời doanh nghiệp cũng thu đ-ợc các khoản doanh thu và thu nhập khác: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế thu đ-ợc trong kỳ phát sinh từ các hoạt động góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Sau một quá trình hoạt động doanh nghiệp xác định đ-ợc kết quả của từng hoạt động. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp phải đ-ợc phân phối và sử dụng theo đúng mục đích phù hợp với cơ chế tài chính quy định cho từng loại doanh nghiệp cụ thể.

Do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất quan trọng. Nó là cơ sở để đánh giá hiệu quả cuối cùng của quá trình kinh doanh trong

một thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp đối với Nhà Nước.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản

1.1.2.1. Doanh thu

a. Khái niệm:

Doanh thu: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động SXKD thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu

b. Các loại doanh thu

* **Doanh thu bán hàng:** là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá cho khách hàng bao gồm cả các phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - “Doanh thu và thu nhập khác”
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:

+ Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.

+ Doanh nghiệp không còn nắm quyền quản lý như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

+ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Đối với các giao dịch cung cấp dịch vụ chuẩn mực cũng quy định, doanh thu được ghi nhận khi kết quả đã được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp về giao dịch cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh nghiệp được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán trong kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định đ-ợc phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán

+ Xác định đ-ợc chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- Thời điểm ghi nhận doanh thu

+ Tiêu thụ theo ph-ong thức trực tiếp: Theo ph-ong thức này, ng-ời bán giao thẳng hàng cho ng-ời mua tại kho, tại quầy hay tại phân x-ởng sản xuất. Khi ng-ời mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn thì hàng chính thức đ-ợc coi là đã tiêu thụ, ng-ời bán có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo ph-ong thức gửi qua đại lý, chuyển hàng: Theo ph-ong thức này, doanh nghiệp chuyển hàng đi gửi cho các quầy, các cửa hàng... nhờ bán hộ. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Chỉ khi nào ng-ời đ-ợc ng-ời mua chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức được coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

+ Tiêu thụ theo ph-ong thức trả chậm, trả góp: Theo ph-ong thức này doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** là lợi ích kinh tế thu đ-ợc từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Bao gồm những khoản thu từ hoạt động tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại nh- : tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận đ-ợc chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái, thu nhập về các hoạt động đầu t- mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập về các hoạt động đầu t- khác vào công ty liên kết, công ty con, đầu t- vốn khác và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

* **Thu nhập khác:** là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính tr-ớc đ-ợc hoặc có dự tính đến nh- ng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất th-ờng xuyên. Nội dung thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nh-ợng bán, thanh lý TSCĐ

- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật t-, hàng hoá, TSCĐ đ- a đi góp vốn liên doanh, đầu t- vào công ty liên kết, đầu t- dài hạn
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế đ- ợc NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định đ- ợc chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp

1.1.2.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

***Chiết khấu th- ơng mại**

Chiết khấu th- ơng mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối l- ợng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối l- ợng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối l- ợng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu th- ơng mại của doanh nghiệp

*** Hàng bán bị trả lại**

Hàng bán bị trả lại là giá trị khối l- ợng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng hóa bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối l- ợng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

*** Giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho ng- ời mua do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc bị lạc hậu thị hiếu.

***Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo ph- ơng pháp trực tiếp**

Đây là các khoản đ- ợc xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tùy thuộc vào từng mặt hàng khác nhau.

Doanh thu thuần đ- ợc xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu về sau khi trừ đi các khoản chiết khấu th- ơng mại, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo ph- ơng pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu

1.1.2.3. Chi phí

a. Khái niệm

Chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ các khoản chi phí cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động khác và các khoản thuế gián thu mà doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Các loại chi phí

* **Giá vốn hàng bán:** Là trị giá thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp th- ơng mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã đ- ợc xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh đ- ợc tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ

* **Chi phí bán hàng:** là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá(trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển,...

* **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về l- ơng nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền l- ơng, tiền công, các khoản phụ cấp,..) : Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (Điện, n- ớc, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

* **Chi phí hoạt động tài chính :** là các chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông th- ơng của doanh nghiệp nh- chi phí tiền lãi vay và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi nhuận,

tiền bản quyền...Những chi phí này phát sinh d- ối dạng tiền và các khoản t- ơng đ- ơng tiền. Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu t- tài chính.

- Chi phí cho vay và đi vay vốn

- Lỗ chuyển nh- ợng chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, giao dịch bán chứng khoán

- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ

- Các chi phí khác

* **Chi phí khác:** Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông th- ờng của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm tr- ớc. Nội dung chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nh- ợng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nh- ợng bán (nếu có)

- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế

- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót ghi sổ kế toán

- Các khoản chi phí khác

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp

Căn cứ tính thuế TNDN là thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ và thu nhập khác

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất thuế TNDN

1.1.2.4. Kết quả hoạt động kinh doanh

* Kết quả hoạt động kinh doanh: Là số chênh lệch giữa các khoản thu với các khoản chi phí trong một thời kỳ nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán(Gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu t- và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động

kinh doanh bất động sản đầu t- , nh- : chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nh- ợng bán bất động sản đầu t-), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

* Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

* Lãi gộp về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán.

* Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

* Lợi nhuận khác là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

* Tổng lợi nhuận kế toán tr- ớc thuế là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác

* Lợi nhuận sau thuế TNDN(lợi nhuận ròng, lãi ròng) là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán tr- ớc thuế trừ đi chi phí thuế TNDN.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp thông tin trung thực kịp thời theo yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Xác lập quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Doanh thu(kể cả doanh thu nội bộ) phải đ- ợc theo dõi riêng biệt theo từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp nội bộ, doanh thu tài chính,... nhằm phục vụ cho việc xác định đầy đủ, chính xác kết quả kinh doanh và lập báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo từng đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp về các khoản mục chi phí và yếu tố chi phí quy định, xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.

- Theo dõi số liệu hiện có và tình hình tăng giảm các khoản đầu tư tài chính và kết quả kinh doanh về vốn khác một cách thường xuyên, liên tục và chính xác chi tiết theo từng lĩnh vực đầu tư và theo từng đối tác mà doanh nghiệp đã ký kết.

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đơn đốc các khoản phải thu của khách hàng

Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà Nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

1.2.NỘI DUNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.2.1.1.Chứng từ sử dụng:

- Hoá đơn GTGT
- Hoá đơn bán hàng
- Bảng thanh toán hàng thanh lý, ký gửi
- Thẻ quầy hàng
- Các chứng từ thanh toán(phiếu thu, séc thanh toán, séc chuyển khoản, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng, bản kê sao của ngân hàng,...)

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

***TK 511” Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ(không phản ánh doanh thu bán hàng nội bộ).

*Kết cấu tài khoản 511***Bên nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đ- ợc xác định là đã bán trong kỳ kế toán,

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo ph- ơng pháp khấu trừ

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ

- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ

- Khoản chiết khấu th- ơng mại kết chuyển cuối kỳ

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số d- cuối kỳ

Tài khoản 511 - **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 5 tài khoản cấp 2:**

+ Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá

+ Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm

+ Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch

+ Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

+ Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu t- .

* Tài khoản 512 “ **Doanh thu bán hàng nội bộ**”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong nội bộ(chỉ sử dụng cho các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong một công ty hoặc tổng công ty)

*Kết cấu tài khoản 512***Bên nợ**

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối l- ợng sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán :

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Số thuế GTGT phải nộp theo ph- ơng pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911” Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

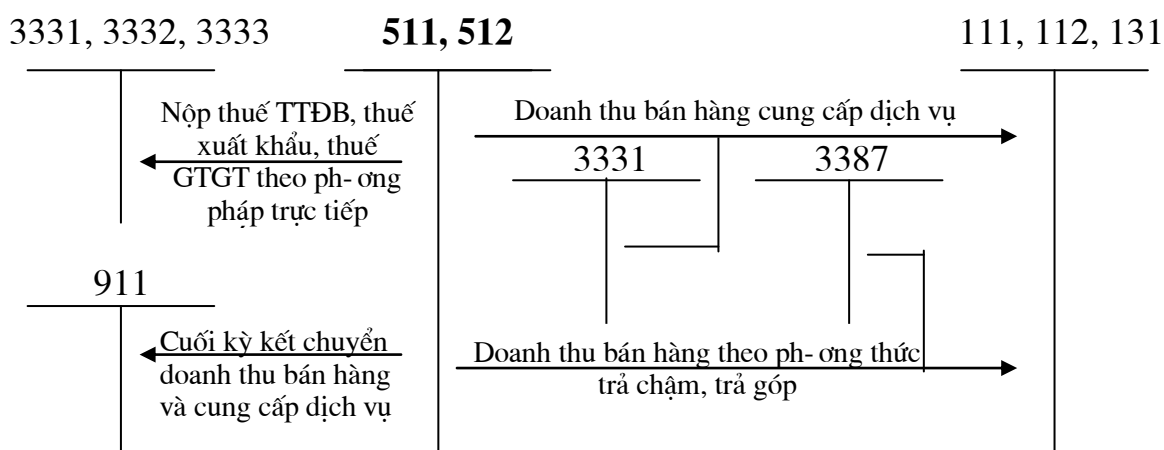
Tài khoản 512 không có số d- cuối kỳ

Tài khoản 512- Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Ph- ơng pháp hạch toán

Ph- ơng pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đ- ợc thể hiện qua sơ đồ 1.1



Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng*** TK 521 - Chiết khấu th-ong mại**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu th-ong mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho ng-ời mua hàng do việc ng-ời mua đã mua hàng(sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với số l-ợng lớn theo thoả thuận về chiết khấu th-ong mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

*Kết cấu tài khoản 521***Bên nợ:**

- Số chiết khấu th-ong mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên có:

- Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản” Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

Tài khoản 521- Chiết khấu th-ong mại, không có số d- cuối kỳ.

*** Tài khoản 531 - Hàng bán bị trả lại**

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng hóa bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối l-ợng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

*Kết cấu TK 531***Bên nợ**

- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho khách hàng hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hoá đã bán.

Bên có

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, Hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Tài khoản 531 không có số d- cuối kỳ

*** Tài khoản 532 - Giảm giá hàng bán**

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán**1.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Bảng kê mua hàng
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng**TK 632” Giá vốn hàng bán”**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, ...

*Kết cấu Tài khoản 632***Bên nợ**

- Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ,
- Các hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra,
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước sử dụng hết.

Bên có

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911”Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 632 không có số d- cuối kỳ

Ngoài ra kế toán còn sử dụng các tài khoản khác liên quan nh- : TK155, TK156, TK611, TK623(đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo ph- ơng pháp kiểm kê định kỳ).

1.2.3.3. Cách xác định giá vốn hàng bán

* Ph- ơng pháp bình quan gia quyền cả kỳ:

Giá trị của từng loại hàng tồn kho đ- ợc tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho t- ơng tự đầu kỳ và giá trị của từng loại hàng tồn kho đ- ợc mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể đ- ợc tính theo thời kỳ hoặc mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp

* Ph- ơng pháp nhập tr- ớc, xuất tr- ớc

Ph- ơng pháp này áp dụng d- ựa trên giả định hàng tồn kho đ- ợc mua tr- ớc hoặc sản xuất tr- ớc thì đ- ợc xuất tr- ớc, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho đ- ợc mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo ph- ơng pháp này thì giá trị hàng xuất kho đ- ợc tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị của hàng tồn kho tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho

* Ph- ơng pháp nhập sau xuất tr- ớc

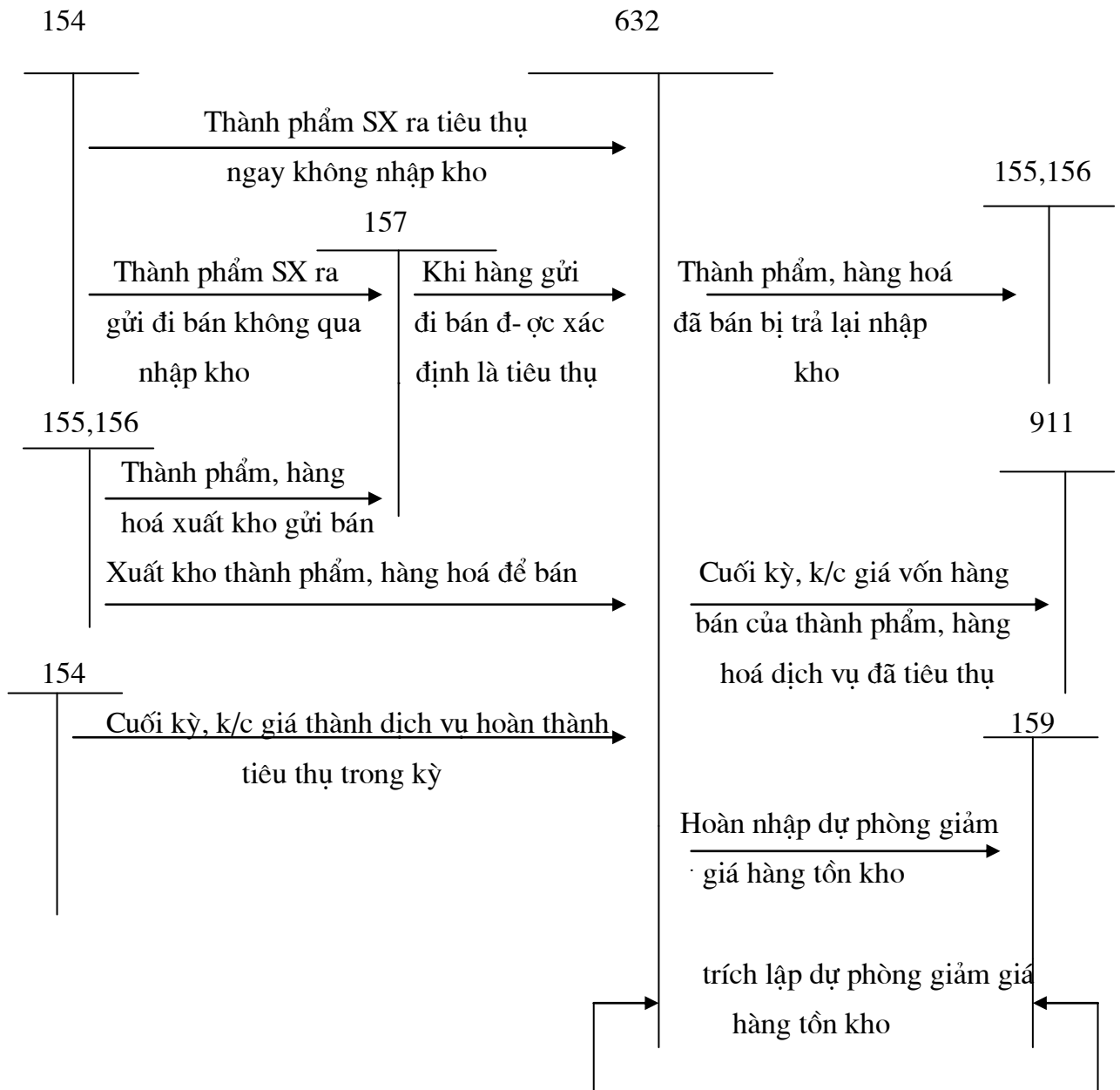
Ph- ơng pháp này áp dụng d- ựa trên giả định hàng tồn kho đ- ợc mua sau hoặc sản xuất sau thì đ- ợc xuất tr- ớc, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho đ- ợc mua hoặc sản xuất tr- ớc đó. Theo ph- ơng pháp này thì giá trị hàng xuất kho đ- ợc tính theo giá của lô hàng nhập kho sau hoặc sau cùng. Giá trị của hàng tồn kho tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho

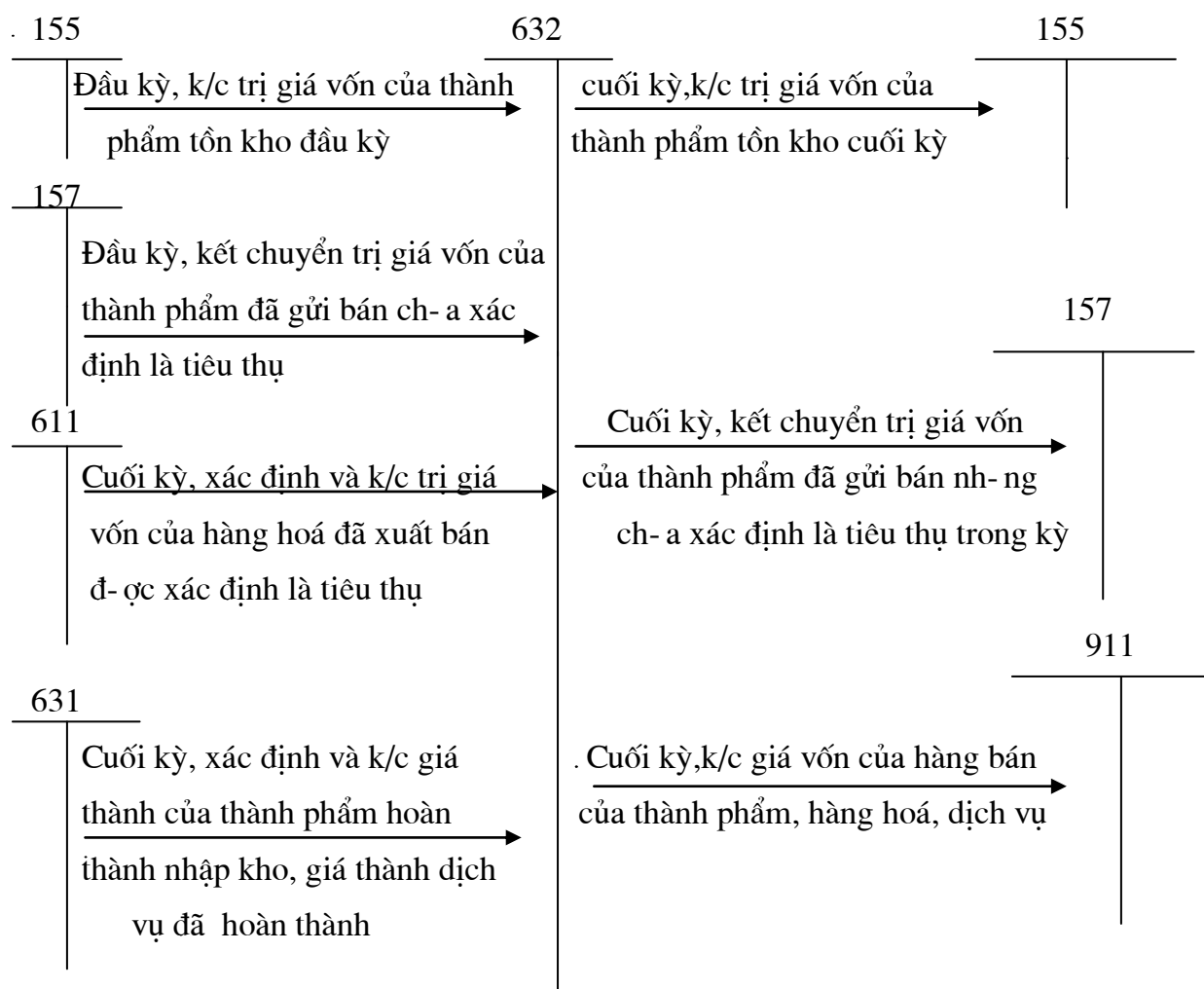
*Ph- ơng pháp giá đích danh

Ph- ơng pháp này áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện đ- ợc.

1.2.3.4. Phương pháp hạch toán

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ**Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán****1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền l- ơng và BHXH
- Giấy báo nợ, sổ phụ của ngân hàng
- Bảng trích và phân bổ khấu hao TSCĐ

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

*TK 641 “ Chi phí bán hàng”

Tài khoản này dùng để phản ánh những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm,

quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá(trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển,...

Kết cấu Tài khoản 641

Bên nợ

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ

Bên có

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 không có số d- cuối kỳ, có 7 tiểu khoản :

- Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác

***TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về l- ơng nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền l- ơng, tiền công, các khoản phụ cấp,..) : Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp ,chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài(Điện, n- ớc, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác(tiếp khách, hội nghị khách hàng,...

Tài khoản 642 không có số d- cuối kỳ, có 8 tiểu khoản:

- Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

- Tài khoản 6425: Thuế, Phí, lệ phí
- Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác

Kết cấu Tài khoản 642

Bên nợ

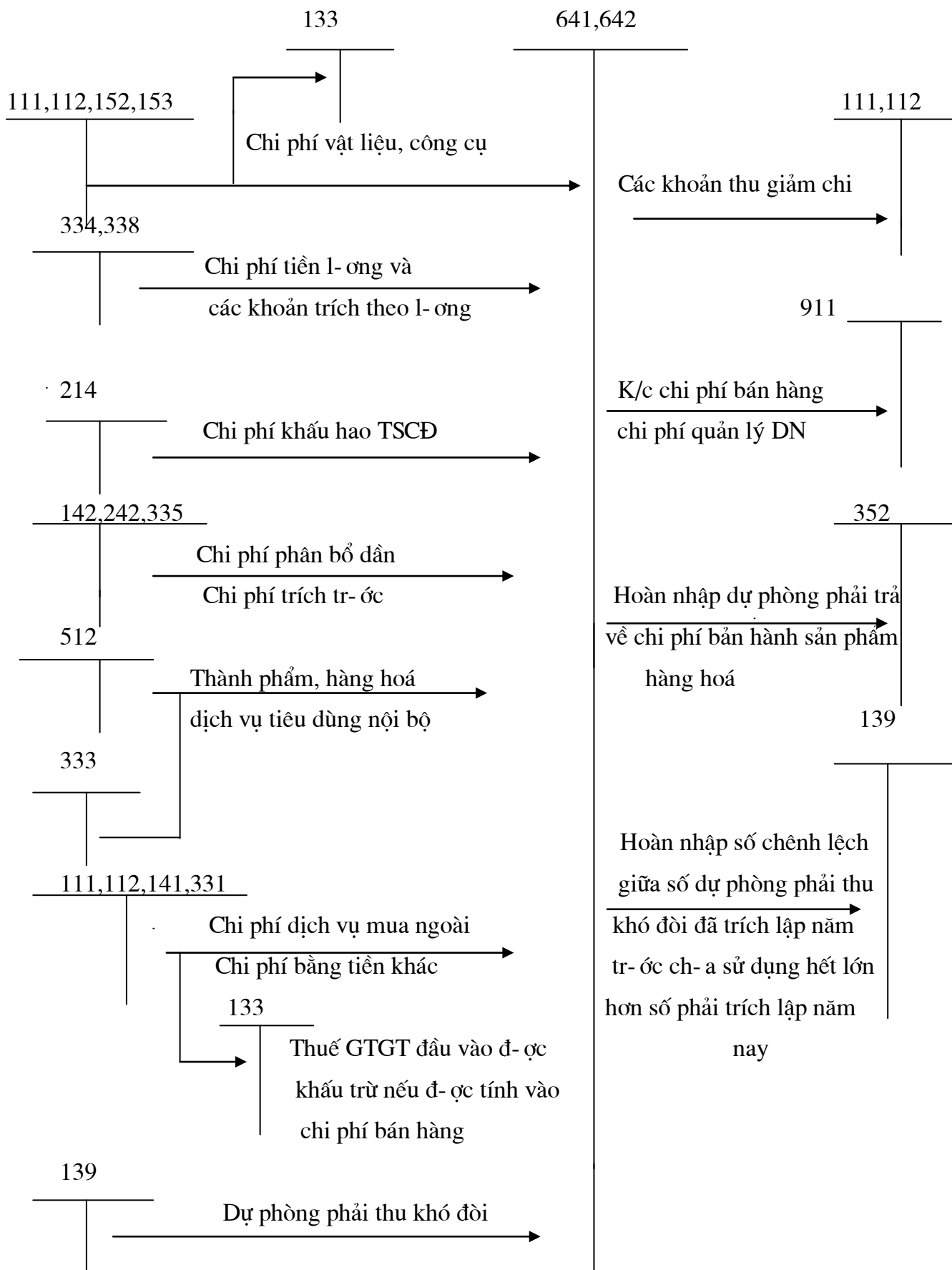
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ nay lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ tr- ớc ch- a sử dụng hết)
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Bên có

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả(Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ tr- ớc ch- a sử dụng hết)
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911”xác định kết quả kinh doanh”

1.2.4.3.Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý DN thể hiện qua sơ đồ 1.4



Sơ đồ 1.4: Kế toán phí bán hàng và chi phí quản lý DN

1.2.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**1.2.5.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu thu, giấy báo có và sổ phụ của ngân hàng
- Phiếu chi, giấy báo nợ và sổ phụ của ngân hàng
-

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng***TK 515 “ Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp

Kết cấu TK 515**Bên nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp(nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang Tài khoản 911”Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

***TK 635 “ Chi phí tài chính ”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

*Kết cấu Tài khoản 635***Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí của hoạt động tài chính;
- Các khoản lỗ do thanh lý các khoản đầu t- ngắn hạn;
- Các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh thực tế trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số d- cuối kỳ của các khoản phải thu dài hạn và phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ;
- Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu t- chứng khoán;
- Chi phí đất chuyển nh- ợng, cho thuê cơ sở hạ tầng đ- ợc xác định là tiêu thụ.

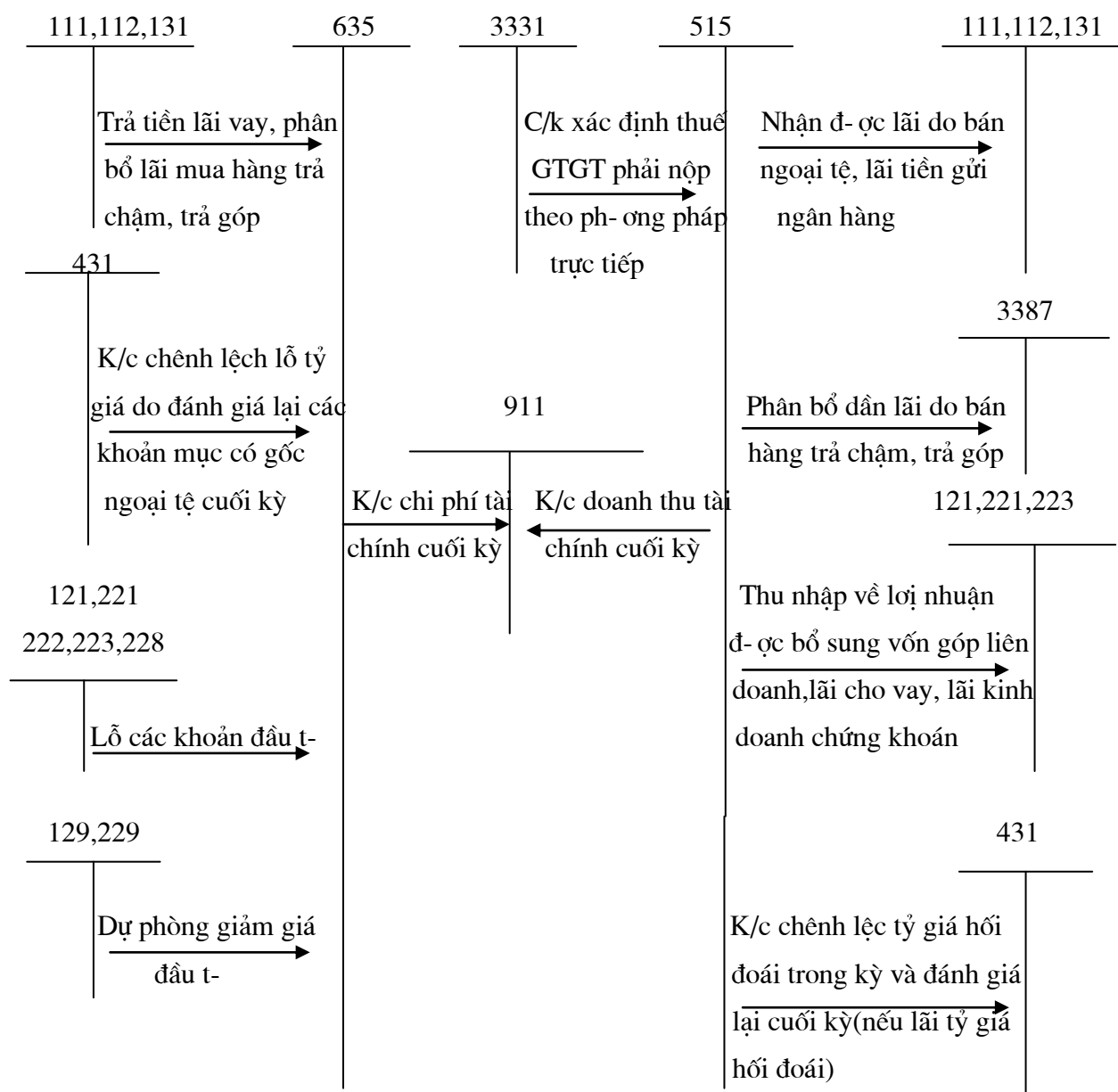
Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu t- chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 “Chi phí tài chính” không có số d- cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí tài chính đ- ợc thể hiện qua sơ đồ 1.5



Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu và chi phí tài chính

1.2.6. Kế toán thu nhập và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Phiếu nhập, phiếu xuất
- Biên bản bàn giao
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.6.2.Tài khoản sử dụng*** TK 711 “ Thu nhập khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nội dung các khoản thu nhập khác:

- Thu nhập từ nh- ợng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật t- , hàng hoá, TSCĐ đ- a đi góp vốn liên doanh, đầu t- vào công ty liên kết, đầu t- dài hạn
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế đ- ợc NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định đ- ợc chủ
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Kết cấu TK 711**Bên nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp(nếu có) tính theo ph- ơng pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo ph- ơng pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”

Bên có

Các khoản phải thu khác phát sinh trong kỳ

TK 711 không có số d- cuối kỳ

*** TK 811 “ Chi phí khác”**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông th- ờng của doanh nghiệp

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nh- ợng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nh- ợng bán TSCĐ(Nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật t- , hàng hoá, TSCĐ đ- a đi góp vốn liên doanh, đầu t- vào công ty liên kết, đầu t- dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế

- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

Kết cấu TK 811- Chi phí khác

Bên nợ

Các khoản chi phí khác phát sinh

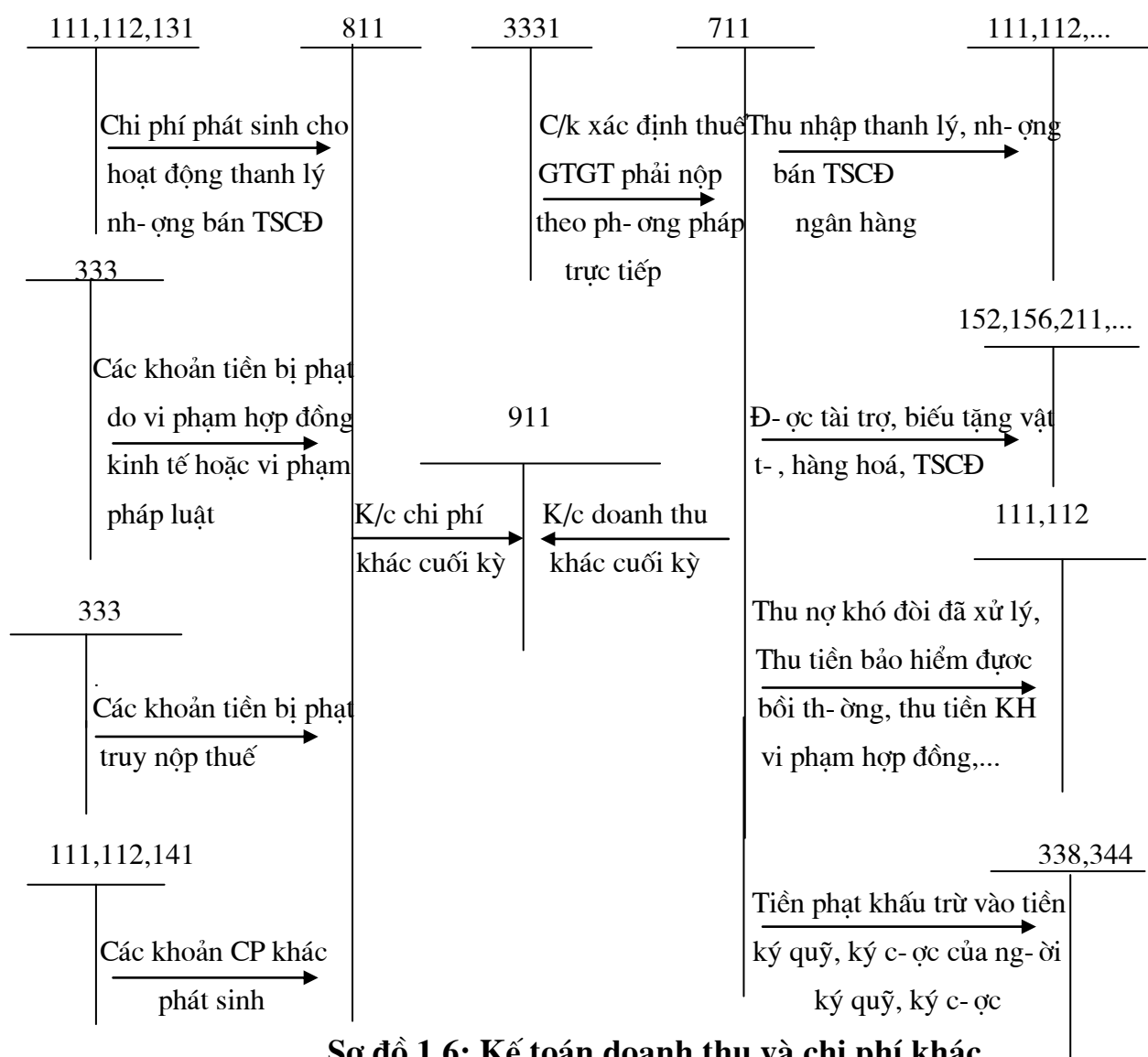
Bên có

Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911” Xác định kết quả kinh doanh”

TK 811 không có số d- cuối kỳ

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí khác được thể hiện qua sơ đồ 1.6



1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

Các bảng phân bổ chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác kết chuyển để xác định kết quả, Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần kết chuyển để xác định kết quả và các chứng từ có liên quan.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

Kết cấu TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

Bên nợ

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu t- và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

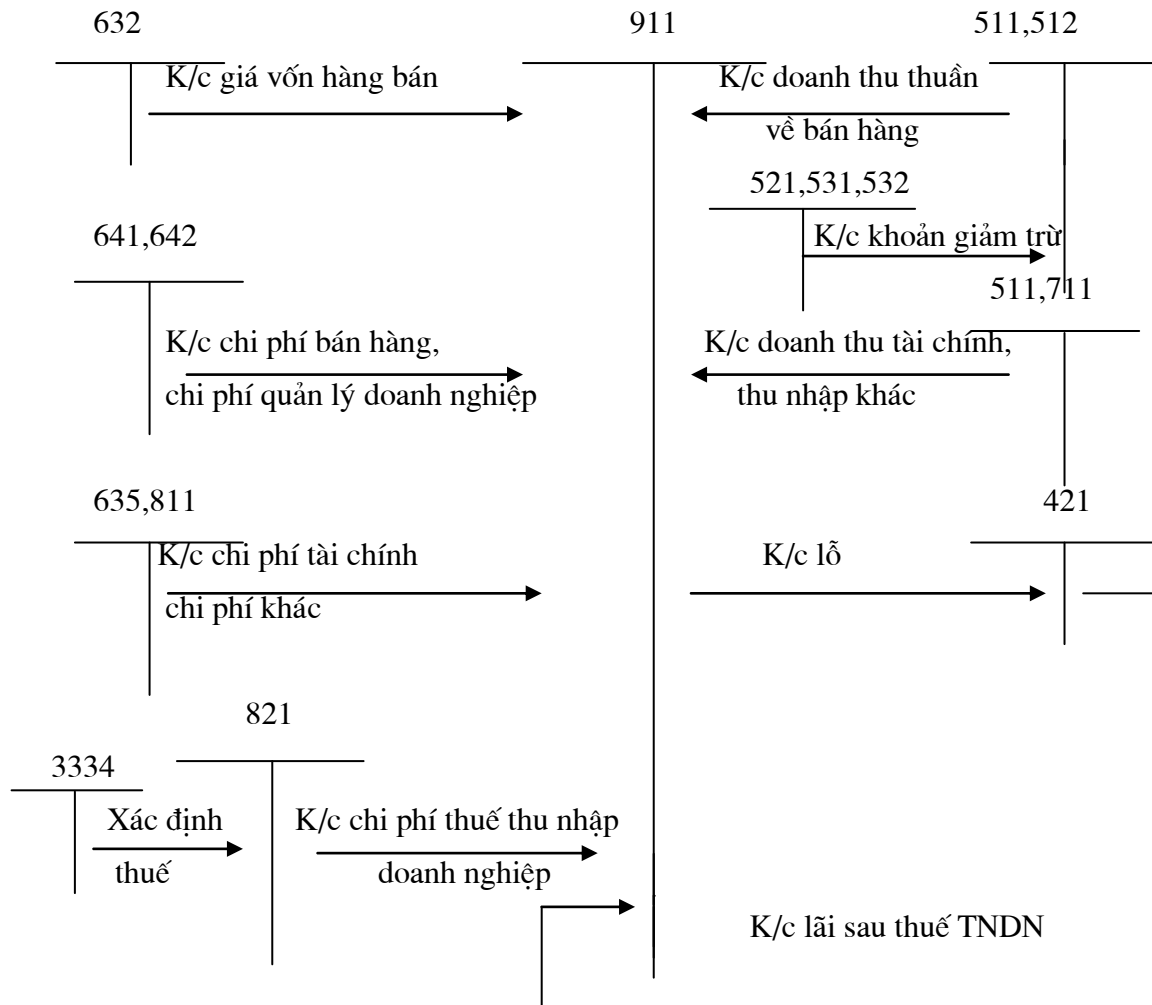
Bên có

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu t- và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số d- cuối kỳ

1.2.7.3. Ph- ơng pháp hạch toán

Ph- ơng pháp hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh thể hiện qua sơ đồ 1.7



Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG HẢI AN

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

2.1.1. Quá trình phát triển của công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Tên doanh nghiệp: Công ty đầu t- xây dựng Hải An

Trụ sở: số 139 _ Tôn Đức Thắng _ Lê Chân_ Hải Phòng

Tel: 0313551770

Mã số thuế: 0200635423

Giấy phép kinh doanh: 0203001597 do sở kế hoạch và đầu t- Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 07 năm 2005

****Ngành nghề kinh doanh chính***

- T- vấn thiết kế tổng mặt bằng qui hoạch, thiết kế các công trình cấp thoát n- ớc, thiết kế qui hoạch mặt bằng nhà máy cấp thoát n- ớc, thiết kế công trình công nghệ xử lí chất thải rắn.

-Kinh doanh vật t- thiết bị, vật liệu ngành xây dựng

Với năng lực thiết bị hiện đại, đủ chủng loại và trình độ tay nghề cao của công nhân d- ối sự chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ

****.Những thuận lợi và khó khăn của công ty***

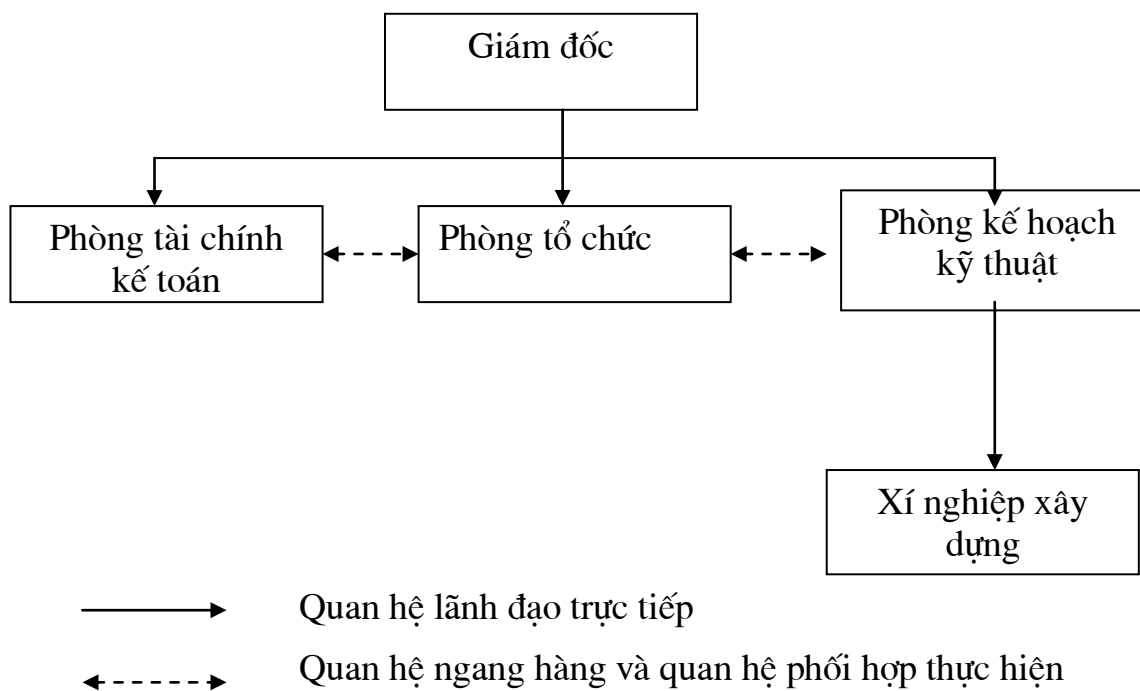
- *Thuận lợi:* Đội ngũ cán bộ công nhân viên dồi dào, có nhiều năm kinh nghiệm, tích cực luôn coi lợi ích của công ty gắn liền với lợi ích cá nhân giúp Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An đã hoàn thành nhiều công trình lớn có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, đảm bảo thi công với chất l- ợng cao. Sự linh hoạt trong công tác quản lí kinh tế cùng với sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp công ty từng b- ớc hoà nhịp với nhịp điệu phát triển kinh tế chung của đất n- ớc. Trong thi công đã mạnh dạn áp dụng nhiều khoa học tiến bộ để nâng cao chất l- ợng công trình. Việc làm của công nhân viên đ- ợc quan tâm đúng mức làm

cho đời sống của công nhân viên đ- ọc nâng cao tạo niềm tin và sự hứng thú trong công việc giúp công ty ổn định.

- *Khó khăn:* Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An bên cạnh những thuận lợi cũng gặp rất nhiều khó khăn. Trong những khó khăn thì thiếu vốn là một khó khăn hàng đầu của công ty. Do thiếu vốn dẫn đến khó khăn trong việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đầu t- mua trang thiết bị hiện đại phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì thế đòi hỏi các doanh nghiệp trong n- ớc nói chung và công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An nói riêng phải không ngừng nỗ lực để có thể đứng vững và phát triển.

2.1.2. Cơ cấu tổ chức sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Bộ máy quản lý công ty đ- ọc sắp xếp theo mô hình trực tuyến- chức năng mỗi bộ phận, mỗi ng- ời trong cơ cấu đều phải d- ối sự lãnh đạo của Giám đốc. Giám đốc thực hiện chức năng quản lý đảm bảo đ- ọc chế độ một thủ tr- ởng , tập trung quyền lực điều hành công việc theo ph- ong thức tổng hoà. D- ối Giám đốc là các bộ phận và thực hiện lệnh nh- Phó giám đốc, những ng- ời phụ trách từ bộ phận điều hành cấp d- ối của mình, các phòng ban..



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý

**.Vai trò nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận trong quản lý của công ty*

Giám đốc: Chịu trách nhiệm tr- ớc nhà n- ớc và thay mặt cho công ty sử dụng vốn cho sản xuất kinh doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Giám đốc đứng ra ký kết các hợp đồng công trình và duyệt các chứng từ vay vốn, chứng từ thanh toán.

Các phòng nghiệp vụ giúp việc cho ban Giám đốc công ty

Phòng kế hoạch kỹ thuật có nhiệm vụ :

+ Căn cứ những kế hoạch thực hiện năm tr- ớc, ph- ơng h- ớng phát triển của ngành, của nhà n- ớc và hợp đồng xây dựng giữa công ty với các chủ đầu t- để lập kế hoạch lên Sở xây dựng phê duyệt đồng thời lập kế hoạch sản xuất của toàn công ty dựa vào năng lực thực tế của các xí nghiệp, các cơ sở để giao kế hoạch phân đấu hàng tháng, hàng quý và hàng năm.

+Tổng hợp việc thực hiện chỉ tiêu giá trị tổng sản l- ợng để báo cáo với lãnh đạo công ty và các cơ quan có liên quan.

+Dự thảo vào các hợp đồng kinh tế nhằm tham m- u giúp việc cho giám đốc trong việc kí kết các hợp đồng xây dựng.

+Đề ra các biện pháp an toàn lao động và kiểm tra công tác an toàn cho ng- ời lao động tại các công trình xây dựng của công ty.

+Lập kế hoạch và h- ớng dẫn các đơn vị trong toàn công ty thực hiện công tác sáng kiến kỹ thuật trong sản xuất.

Phòng tổ chức hành chính

Dựa vào kế hoạch sản xuất hàng tháng, hàng quý, hàng năm để lập kế hoạch sử dụng lao động trong toàn công ty. Tuyển dụng lao động và điều phối lao động trong các đơn vị cơ sở. Lập kế hoạch quỹ tiền l- ơng và các khoản trích theo tỷ lệ quy định, đồng thời theo dõi quá trình thực hiện chính sách h- u chí, tai nạn lao động...đối với cán bộ công nhân viên công ty. Củng cố quan hệ nghiệp vụ với các bộ phận sản xuất trên cơ sở các mối quan hệ nghiệp vụ giữa các phòng ban mà công ty hoàn thành nhiệm vụ của mình

Phòng tài chính kế toán

Tham m- u cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lí các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và

có hiệu quả. Chỉ đạo công tác kế toán toàn doanh nghiệp, xác định tài sản vật t- và kết quả kinh doanh. Qua đó phân tích đánh giá xác định kết quả sản xuất kinh doanh của công ty từ đó cùng với các phòng ban chức năng xác định b- ớc tăng tr- ờng và phát triển của công ty theo từng tháng, quý thanh quyết toán các khoản tiền l- ơng, BHXH cho cán bộ công nhân viên toàn công ty. L- u giữ hồ sơ, các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty. Tính toán và trích đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách nhà N- ớc, nộp cấp trên và các quỹ để lại.

*** Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty**

Xây dựng cơ bản là ngành sản xuất vật chất quan trọng mang tính chất công nghiệp nhằm tạo ra nhiều của cải vật chất cho nền kinh tế quốc dân thông th- ờng, công tác xây dựng cơ bản do các đơn vị xây lắp nhận thầu tiến hành . Ngành sản xuất này có đặc điểm nh- sau:

- Sản phẩm xây lắp là các công trình, vật kiến trúc có quy mô lớn, kết cấu mang tính chất đơn chiếc, thời gian sản xuất dài.
- Sản phẩm xây lắp đ- ợc tính theo giá dự toán hoặc giá thoả thuận với nhà đầu t- từ tr- ớc do đó mang tính chất hàng hoá của sản phẩm thể hiện không rõ
- Sản phẩm xây lắp cố định tại nơi sản xuất, còn các điều kiện sản xuất phải di chuyển theo địa điểm đặt công trình

Tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp ở n- ớc ta phổ biến theo ph- ơng thức khoán gọn các công trình, hạng mục công trình, khối l- ợng hoặc công việc cho các đơn vị trong nội bộ doanh nghiệp trong giá khoán gọn.

2.1.3 Tổ chức kế toán tại công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những nội dung hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán của công ty, bởi công tác kế toán phụ thuộc trực tiếp vào trình độ, khả năng thành thạo, đạo đức nghề nghiệp và sự phân công, phân nhiệm hợp lí của các nhân viên trong bộ máy kế toán. Mô hình bộ máy kế toán của công ty cổ phần xây dựng Hải An theo hình thức kế toán tập trung

Để phục vụ công tác quản lí của công ty, công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An có một ban tài chính kế toán tổ chức theo hình thức tập trung trực tuyến

- Chức năng: Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

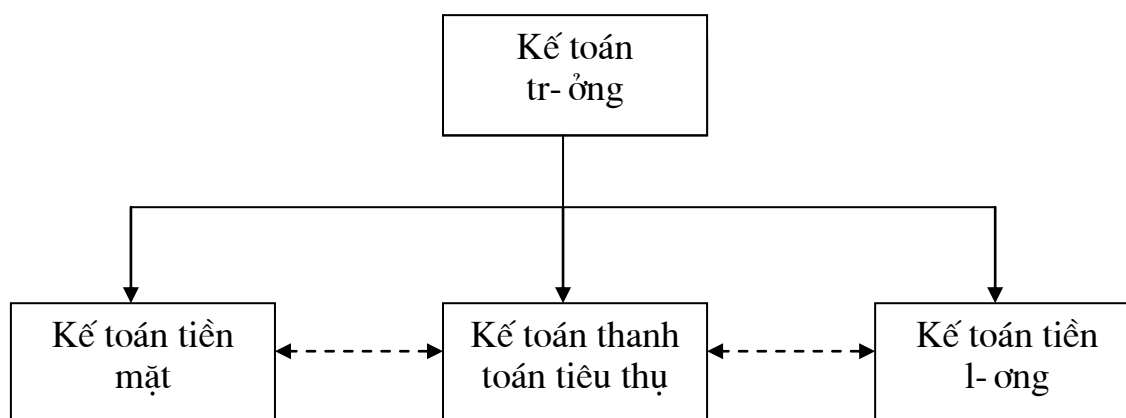
Là một đơn vị trực thuộc hạch toán kinh tế nội bộ phụ thuộc nên ban kế toán có 4 ng- ời. trong đó:

+Kế toán tr- ởng: Tổ chức và điều hành công tác tài chính, lập kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch vay vốn, kế hoạch tiền mặt. Đôn đốc, giám sát kiểm tra xử lí mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tổ chức hạch toán kế toán, tập hợp các thông tin chính của công ty thành các báo cáo có ý nghĩa, giúp cho việc xử lí và ra quyết định của giám đốc

+Kế toán tiền mặt(thủ quỹ): làm nhiệm vụ giữ tiền và thu chi của giám đốc và kế toán tr- ởng, phát tiền l- ơng cho công nhân, giữ gìn và bảo quản các chứng từ thu chi hàng ngày, đối chiếu số tiền hiện có và số tiền trong sổ sách .

+Kế toán thanh toán tiêu thụ: theo dõi doanh thu của từng công trình phân tích giá thành dự toán, làm nhật kí bảng phân bổ,...

+Kế toán thanh toán tiền l- ơng: Làm nhiệm vụ hạch toán các khoản phải trả cho công nhân viên, phân bổ tiền l- ơng cho từng công nhân viên.



—————> Quan hệ lãnh đạo trực tiếp

<-----> Quan hệ ngang hàng và quan hệ phối hợp thực hiện

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán của công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Niên độ kế toán: Từ ngày 01tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm N.

2.1.3.2. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán

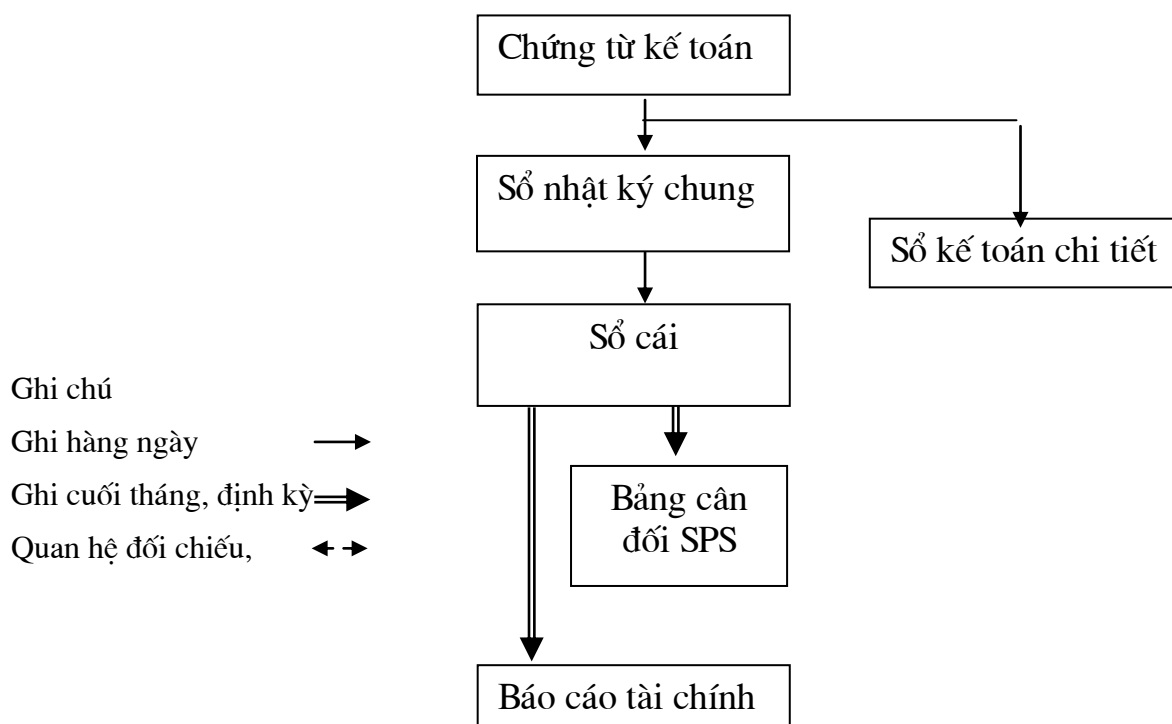
Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ởng Bộ tài chính.

2.1.3.3 Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán

Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán theo quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ởng Bộ tài chính.

2.1.3.4. Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Căn cứ vào hệ thống tài khoản và các chế độ kế toán của nhà n- ớc, căn cứ vào quy mô, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Hiện nay công ty áp dụng hình thức kế toán “ Nhật kí chung”.



Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức” Nhật kí chung”

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tại công ty gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo l- u chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế, thu đ- ợc trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu chủ yếu từ thi công các công trình hạng mục công trình.

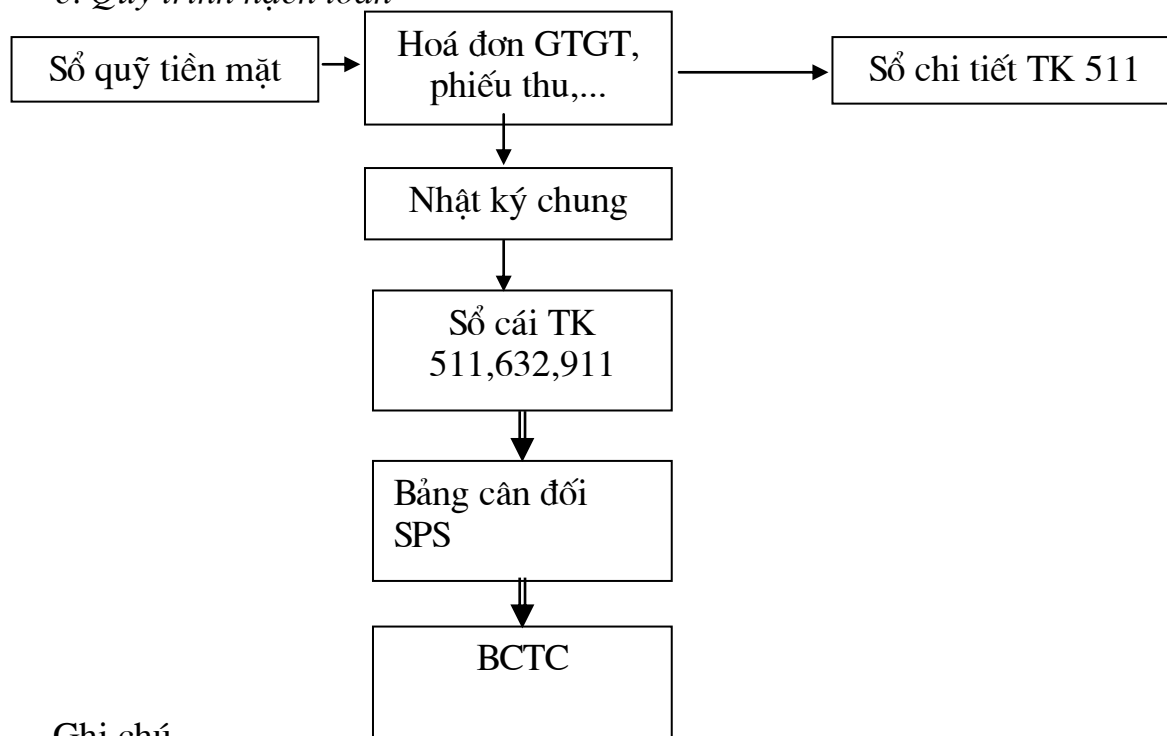
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng,...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

TK 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

c. Quy trình hạch toán



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An là công ty chuyên lắp đặt sửa chữa các công trình cấp thoát n- ớc, khi nhận đ- ợc các hợp đồng của bên nhà thầu, công ty tiến hành xây dựng lắp đặt theo điều kiện hợp đồng về thời gian thực hiện, chất l- ượng công trình, quy mô công trình,... Sau khi hoàn thành công trình theo đúng quy định công ty tiến hành bàn giao công trình cho nhà thầu. Khi bên nhà thầu chấp nhận công trình kế toán viết hoá đơn GTGT, thu tiền, ghi nhận doanh thu. Do yêu cầu của các công trình cấp thoát n- ớc là rất cần thiết cho đời sống sinh hoạt cũng nh- nhu cầu sản xuất kinh doanh nên thời gian thực hiện các công trình chỉ khoảng vài tháng.

d.Ví dụ

- Ví dụ 01: Ngày 16/12/2008 công ty bàn giao công trình cấp thoát n- ớc cho công ty cổ phần Thành Tô, Hoá đơn GTGT số 099691(Biểu số 01), từ hoá đơn kế toán ghi phiếu thu(Biểu số 03). Khi phát sinh nghiệp vụ kế toán ghi sổ chi tiết TK 511(Biểu số 05), sổ quỹ tiền mặt(Biểu số 06).Tiếp theo kế toán ghi Sổ nhật ký chung(Biểu số 07), từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK511 (Biểu số 08), sổ cái TK 111(Biểu số 09), Sổ cái TK 333(Biểu số 10).

- Ví dụ 02: Ngày 27/12/2008 công ty bàn giao công trình cấp thoát n- ớc Trì An cho BQLDA công trình Trì An, hoá đơn 099692(Biểu số 02), từ hoá đơn kế toán ghi phiếu kế toán số 23(Biểu số 04), khi phát sinh nghiệp vụ kế toán ghi sổ chi tiết TK 511(Biểu số 05). Kế toán ghi sổ Nhật ký chung(Biểu số 07). Từ nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 511(Biểu số 08), Sổ cái TK 131(Biểu số 11),

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Số 099691

Liên 3: L- u nội bộ

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Hải An

Địa chỉ:.. số 139 - Tôn Đức Thắng - Lê Chân - Hải phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS

Họ tên người mua hàng:.....

Đơn vị: Công ty cổ phần Thành Tô

Hình thức thanh toán:..tiền mặt.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
	Công trình Thành Tô		1	35,815,455	35,815,455
Cộng tiền hàng					35,815,455
Thuế suất GTGT: 10 %					3,581,545
Tổng cộng tiền thanh toán					39,397,000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn					

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

Người mua hàng

(kí, họ tên)

Người bán hàng

(kí, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 01

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Số 099692

Liên 3: L- u nội bộ

Ngày 27 tháng 12 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần đầu tư - xây dựng Hải An

Địa chỉ:.. số 139 - Tôn Đức Thắng - Lê Chân - Hải phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại:.....MS

Họ tên người mua hàng:.....

Đơn vị: Ban quản dự án công trình Trì An

Hình thức thanh toán:.....Tiền mặt.....

Địa chỉ:

Mã số thuế:

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	1*2
	Công trình Trì An		1	42,000,000	42,000,000
Cộng tiền hàng					42,000,000
Thuế suất GTGT: 10 %					4,200,000
Tổng cộng tiền thanh toán					46,200,000
Số tiền bằng chữ: Bốn mươi sáu triệu hai trăm nghìn đồng chẵn					

Ngày 27 tháng 12 năm 2008

Người mua hàng

(kí, họ tên)

Người bán hàng

(kí, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu số 02

PHIẾU THU

Quyển số

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

Số: 10

Nợ: 111

Có: 511,3331

Họ tên người nộp tiền: Anh V- ông

Địa chỉ:

Lý do nộp: Thanh toán tiền công trình

Số tiền: 39,397,000

(Viết bằng chữ): Ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 01 (Chứng từ gốc)

Ngày 16 tháng 12 năm 2008

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp tiền	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên,	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Đóng dấu)				

Biểu số 03

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số: 23

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Quyết toán công trình cấp thoát nước Trì An	131		46,200,000
			511	42,000,000
			3331	4,200,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu

Biểu số 04

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2008

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày Tháng			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
HĐ099691	16/12	Quyết toán công trình lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111		35,815,455
HĐ099652	27/12	Quyết toán công trình Trì An	131		42,000,000
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kd	911	77,815,455	
		Số phát sinh		77,815,455	77,815,455

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số 05

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền		
Số	Ngàytháng			Thu	Chi	Tồn quỹ
		Tồn đầu tháng 12			532,382,043	
PC160	10/12/2008	Thanh toán l- ơng văn phòng tháng 11/2008	334		4,452,500	
PKT22	12/12/2008	Quyết toán công trình:Lắp đặt hệ thống cấp n- ớc Thành Tô	511	35,815,455		
		Thuế GTGT phải nộp	3331	3,581,545		
PC	17/12/2008	Chi tiền c- ớc điện thoại di động	642		106,181	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		10,618	
PC6	17/12/2008	Chi tiền c- ớc điện thoại di động	642		486,083	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		48,608	
PC	20/12/2008	TT tiền mua góc nối, ba chạc khấu nối công trình An Trì	621		1,159,090	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		115,909	
PC8	21/12/2008	Chi tiền tiếp khách	642		958,182	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		95,818	
PC2	23/12/2008	Chi nộp thuế môn bài	3338		1,500,000	
PC1	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	642		127,503	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		12,750	
PC	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	642		291,323	
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		29,132	
PT5	25/12/2008	BQLDA nâng cấp đô thị Hải Phòng TT tiền công trình	133	14,043,000		
PC3	28/12/2008	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		1,250,000	
		Cộng		53,440,000	10,643,698	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ờng

Giám đốc

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 06

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2008

Số hiệu	Chứng từ Ngày tháng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền phát sinh	
				Nợ	Có
.....
HĐ0099691	16/12/2008	Quyết toán công trình: Lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111	35,815,455	
			511		35,815,455
		Thuế GTGT phải nộp	111	3,581,545	
			3331		3,581,545
PKT22	16/12/2008	Kết chuyển giá vốn công trình lắp đặt hệ thống nước Thành Tô	632	20,000,000	
			154		20,000,000
HĐ0099692	27/12/2008	Quyết toán công trình cấp thoát nước Trì An	131	42,000,000	
			511		42,000,000
		Thuế GTGT phải nộp	131	4,200,000	
			3331		4,200,000
PKT 23	27/12/2008	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An	632	25,646,915	
			154		25,646,915
.....
PKT114	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	511	77,815,455	
			911		77,815,455
PKT115	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu TC	515	13,629	
			911		13,629
PKT116	31/12/2008	Kết chuyển chi phí GVHB	911	45,646,915	
			632		45,646,915
PKT117	31/12/2008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	26,551,383	
			642		26,551,383
.....
		Cộng lũy kế		764,553,007	764,553,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 07

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
HĐ099691	16/12	Quyết toán công trình lắp đặt hệ thống cấp nước Thành Tô	111		35,815,455
HĐ099692	27/12	Quyết toán công trình Trì An	131		42,000,000
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu xác định kết quả kinh doanh	911	77,815,455	
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên)

Biểu số 08

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 111- Tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày tháng			Nợ	Có
		Tồn đầu tháng 12		532,382,043	
PC160	10/12/2008	Thanh toán l- ợng văn phòng tháng 11/2008	334		4,452,500
PKT22	12/12/2008	Quyết toán công trình:Lắp đặt hệ thống cấp n- ớc	511	35,815,455	
		Thuế GTGT phải nộp	3331	3,581,545	
PC	17/12/2008	Chi tiền c- ớc điện thoại di động	642		106,181
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		10,618
PC6	17/12/2008	Chi tiền c- ớc điện thoại di động	642		486,083
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		48,608
PC	20/12/2008	TT tiền mua góc nối, ba chạc khấu nối công trình An Trì	621		1,159,090
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		115,909
PC8	21/12/2008	Chi tiền tiếp khách	642		958,182
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		95,818
PC2	23/12/2008	Chi nộp thuế môn bài	3338		1,500,000
PC1	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	642		127,503
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		12,750
PC	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	642		291,323
		Thuế GTGT đ- ợc khấu trừ	133		29,132
PT5	25/12/2008	BQLDA nâng cấp đô thị Hải Phòng TT tiền công trình	133	14,043,000	
PC3	28/12/2008	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		1,250,000
		Cộng số phát sinh		53,440,000	10,643,698
		D- cuối kỳ		575,178,345	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 09

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 333 -Thuế GTGT phải nộp

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		D- đầu tháng 12			
	16/12/2008	Thuế GTGT phải nộp	111		3,581,545
	31/12/2008	Thuế GTGT phải nộp	131		4,200,000
	31/12/2008	Khấu trừ thuế GTGT	133	7,781,545	
	31/12/2008	Xác định thuế TNDN	821		1,576,620
		D- cuối kỳ			1,576,620

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 10

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 131 - Phải thu của khách hàng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
		D- đầu tháng 12		310,632,000	
GBC	22/12/2008	BQLDA thanh toán tiền bảo hành	112		9,169,000
GBC	23/12/2008	BQLDA thanh toán tiền bảo hành	112		7,762,000
PT5	25/12/2008	BQLDA nâng cấp đô thị Hải Phòng thanh toán tiền công trình	111		14,043,000
HĐ	27/12/2008	Quyết toán công trình Trì An	511	42,000,000	
			3331	4,200,000	
		Cộng số phát sinh		46,200,000	30,974,000
		D- cuối kỳ		325,858,000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 11

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần đầu t- xây dựng**Hải An**

Giá vốn dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, giá thành của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

2.2.2.3. Trình tự hạch toán

Khi công trình hoàn thành bàn giao cho chủ đầu t- , kế toán bàn giao công trình ghi nhận doanh thu, đồng thời kế toán phải ghi nhận giá vốn của công trình:

Nợ TK 111,112,131,...

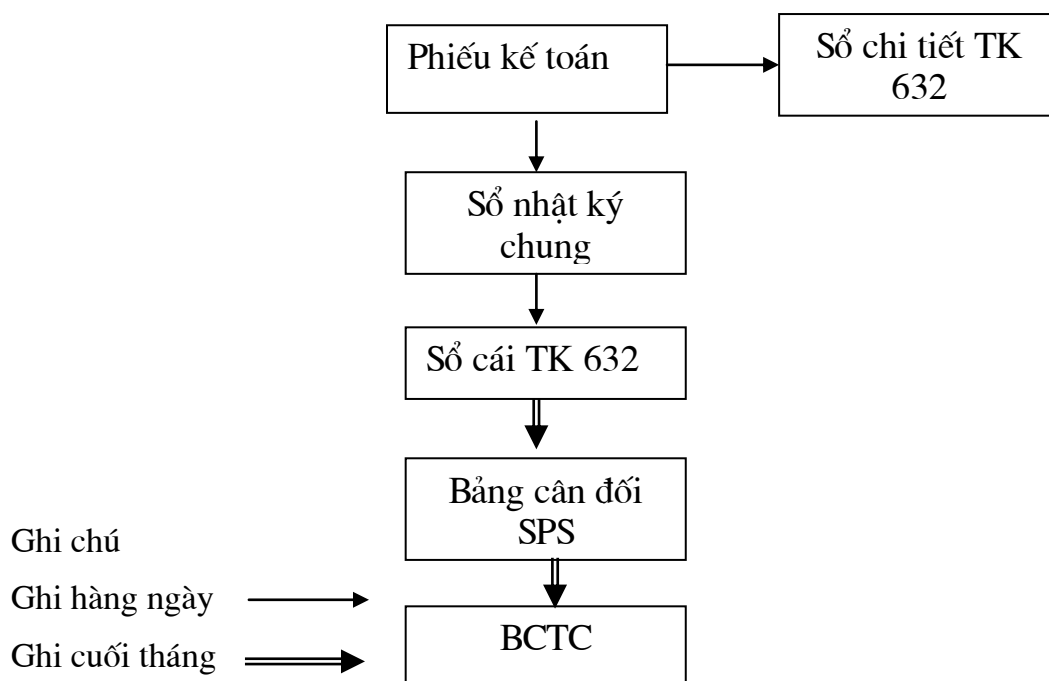
Có TK 511

Có TK 3331

Nợ TK 632

Có TK 154

Giá thành của công trình hoàn thành bao gồm toàn bộ các chi phí để xây dựng lên công trình đó, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung tính cho công trình hoàn thành.



Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán

**Ví dụ*

Từ ví dụ 1, kế toán ghi nhận doanh thu công trình cấp thoát nước Thành Tô, đồng thời kế toán ghi nhận giá vốn công trình, kế toán ghi phiếu kế toán(Biểu số12), sổ chi tiết TK 632(Biểu số13). Sau đó kế toán ghi sổ nhật kí chung(Biểu số 13). Từ sổ nhật kí chung kế toán vào sổ cái TK 632(Biểu số 14)

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 22

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn công trình cấp thoát nước Thành Tô	632		20,000,000
			154	20,000,000

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu

Biểu số 12

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2008

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT22	16/12	Kết chuyển giá vốn công trình lắp hệ thống n-ớc Thành Tô	154	20,000,000	
PKT24	27/12	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An	154	25,646,915	
PKT116	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng	911		45,646,915
		Cộng SPS		45,646,915	45,646,915
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(Kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 13

Công ty CP đầu tư xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2008

Chứng từ Số	Ngày tháng	Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền phát sinh	
				Nợ	Có
.....
HĐ0099691	16/12/2008	Quyết toán công trình: Thành Tô	131	35,815,455	
			511		35,815,455
		Thuế GTGT phải nộp	131	3,581,545	
			3331		3,581,545
PKT22	16/12/2008	Kết chuyển giá vốn công trình lắp đặt hệ thống nước Thành Tô	632	20,000,000	
			154		20,000,000
.....
PKT114	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu bán hàng cung cấp dv	511	77,815,455	
			911		77,815,455
PKT115	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	13,629	
			911		13,629
PKT116	31/12/2008	Kết chuyển GVHB	911	45,646,915	
			632		45,646,915
PKT117	31/12/2008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	26,551,383	
			642		26,551,383
PKT118	31/12/2008	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	1,576,620	
			3334		1,576,620
PKT119	31/12/2008	K/c thuế TNDN	911	1,576,620	
			821		1,576,620
PKT120	31/12/2008	K/c lợi nhuận sau thuế	911	4,054,166	
			421		4,054,166
		Cộng lũy kế		764,553,007	764,553,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập

(Kí, họ tên)

Kế toán tr- ờng

(Kí, họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 14

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 632 - Giá vốn hàng bán

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT22	16/12	Kết chuyển giá vốn công trình lắp hệ thống n- ớc Thành Tô	154	20,000,000	
PKT24	27/12	Kết chuyển giá vốn công trình Trì An	154	25,646,915	
PKT116	31/12	Kết chuyển giá vốn bán hàng	911		45,646,915
		Cộng SPS		45,646,915	45,646,915
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ
(Kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(Kí, họ tên)

Giám đốc
(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 15**2.2.3. Doanh thu hoạt động tài chính****2.2.3.1. Chứng từ sử dụng**

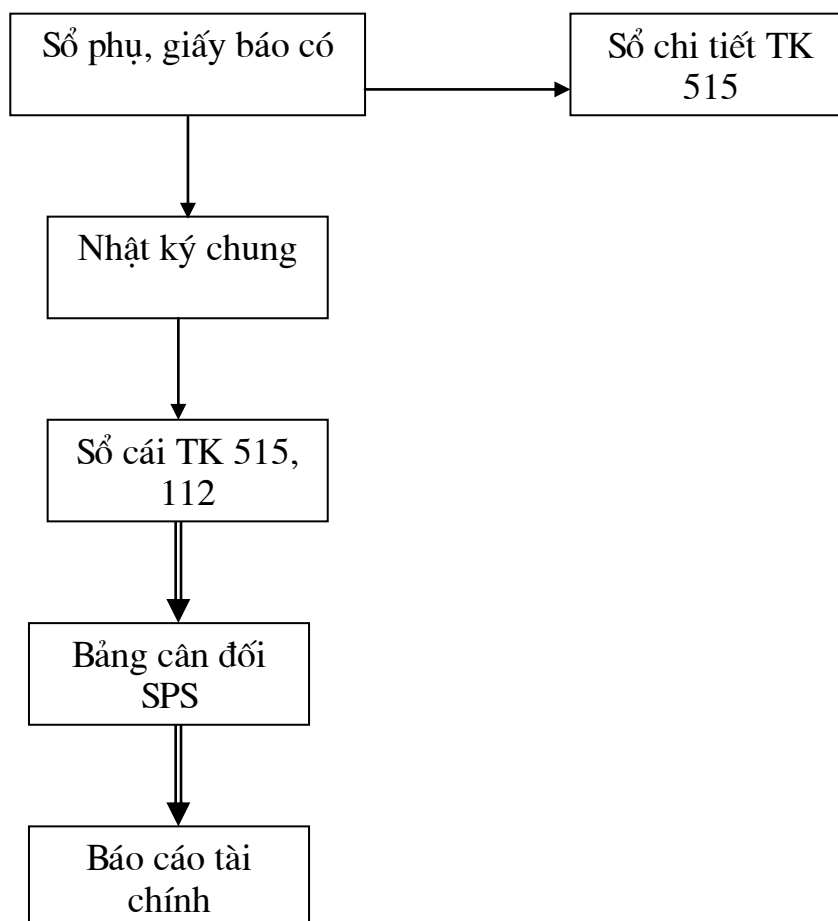
- Sổ phụ và giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ có liên quan

2.2.3.1. Tài khoản sử dụng**TK515” Doanh thu hoạt động tài chính”**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận đ- ợc chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

2.2.3.2. Trình tự hạch toán

Khi nhận đ- ợc giấy báo có, sổ phụ của ngân hàng kế toán tiến hành vào sổ nhật kí chung, từ sổ nhật kí chung kế toán vào sổ cái TK515



Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán doanh thu tài chính

* Ví dụ 2

Ngày 31/12 /2008 công ty nhận đ- ợc sổ chi tiết tài khoản khách hàng của ngân hàng (Biểu số16), giấy báo có(Biểu số17), kế toán vào Sổ chi tiết TK 515 (Biểu số 18), bảng kê tiền gửi ngân hàng(Biểu số 19) sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 20) đó vào sổ cái TK515(Biểu số 21), sổ cái TK 112(Biểu số 22)

VIBANK

Ngân hàng quốc tế

CHI TIẾT TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

Từ ngày 31/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Khách hàng 0072721 CTY CP DT XD HAI AN

Tài khoản 009704060008383

Chứng từ		Mã NV	Nội dung	MGD	PS nợ	PS có
Số	Ngày					
103308576	31/12/2008	90866688876	Lãi nhập gốc tiền gửi	FTCR		13,629

Số d- đầu : 18,314,351

Phát sinh nợ: ,00

Phát sinh có: 13,629

Số d- cuối: 18,327,980

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kiểm soát

Lập biểu

Ngân hàng TMCP quốc tế- Chi nhánh Hải Phòng
Phòng dịch vụ khách hàng

Biểu số 16**VIBANK**

Ngân hàng quốc tế

Mã GDV: FTCT

Mã KH:0072721

Số GD:1256

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kính gửi : Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 009704060008383

Số tiền bằng số: 13,692

Số tiền bằng chữ: M- ời ba nghìn sáu trăm chín m- ời hai đồng

Nội dung: ## Lãi nhập gốc##

Biểu số 17

Công ty CP đầu tư xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2008

Tài khoản 515- Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số d- đầu tháng 12			
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	112		13,629
PKT115	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	13,629	
		Cộng SPS		13,629	13,629
		Số d- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số: 18

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

BẢNG KÊ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

Tháng 12 năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	Tổng thu	Ghi nợ TK112, ghi có các TK			Tổng chi	Ghi có TK112, ghi nợ các TK	
Số	Ngày			Tk131	TK515			642	...
		Số d- đầu kỳ	1,383,351			...			
	22/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	9,169,000	9,169,000					
GBC	23/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	7,762,000	7,762,000					
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	13,629		13,629				
GBN	31/12/2008	Thu phí dịch vụ Mobile banking				20,000	20,000		
		Cộng	16,944,629	16,931,000	13,629		20,000	20,000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người ghi sổ

(kí, họ tên)

Kế toán trưởng

(kí, họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 19

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2008

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu Tk đối ứng	Số tiền phát sinh	
Số	Ngày			Nợ	Có
.....
PT26	29/12/2008	Vay ngắn hạn	111	100,000,000	
			331		100,000,000
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền mặt	112	13,629	
			515		13,629
GBN	31/12/2008	Thu phí dịch vụ Mobile banking	642	20,000	
			112		20,000
.....
PKT115	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	13,629	
			911		13,629
PKT116	31/12/2008	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán	911	45,646,915	
			632		45,646,915
PKT117	31/12/2008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	26,551,383	
			642		26,551,383
PKT118	31/12/2008	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	1,576,620	
			3334		1,576,620
PKT119	31/12/2008	K/c thuế TNDN	911	1,576,620	
			821		1,576,620
PKT120	31/12/2008	K/c lợi nhuận sau thuế	911	4,054,166	
			421		4,054,166
		Cộng lũy kế		764,553,007	764,553,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ

(Kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng

(Kí, họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 20

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI
Năm 2008

Tên tài khoản 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số d- đầu tháng 12			
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	112		13,629
PKT115	31/12/2008	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	13,629	
		Cộng SPS		13,629	13,629
		Số d- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 21

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tên tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số d- đầu tháng 12		1,383,351	
GBC	22/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	131	9,169,000	
GBC	23/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	131	7,762,000	
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	515	13,629	
GBN	31/12/2008	Thu phí dịch vụ Mobile banking	642		20,000
		Cộng số phát sinh		16,944,629	20,000
		Số d- cuối kỳ		18,307,980	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(kí, họ tên)

(kí, họ tên)

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 22

2.2.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**2.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi,
- Hoá đơn GTGT,..
- Sổ phụ và giấy báo nợ của ngân hàng

2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

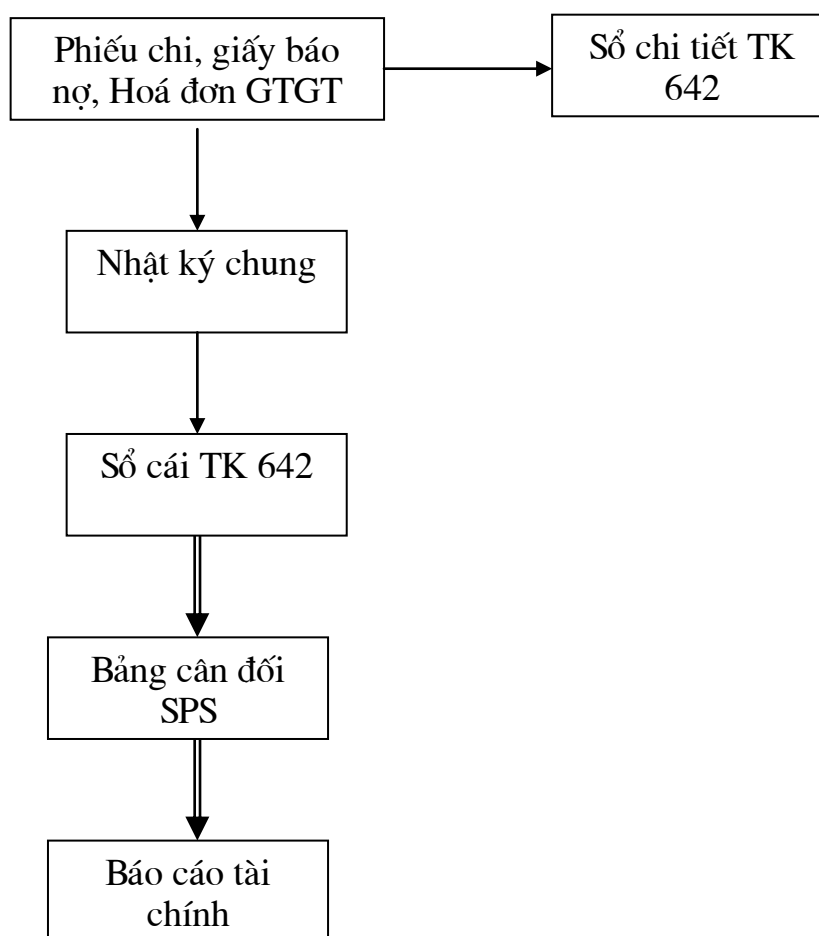
TK642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phục vụ cho nhu cầu quản lý doanh nghiệp

Chi phí này bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao TSCĐ, thuế phí và lệ phí, chi phí dự phòng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

2.2.4.3. Trình tự hạch toán:

Từ các chứng từ gốc như: phiếu chi, hoá đơn GTGT, giấy báo nợ của ngân hàng..., kế toán tiến hành phân bổ chi phí theo khoản mục và tập hợp chi phí phát sinh trực tiếp trên sổ cái TK 642, trên cột pháp sinh nợ. Cuối tháng sẽ tập hợp và kết chuyển sang TK 911 xác định kết quả kinh doanh

Quy trình hạch toán

Ghi chú

Ghi hàng ngày \longrightarrow Ghi cuối tháng \Longrightarrow **Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán chi phí quản lý DN**

Ví dụ:03

Ngày 21/12 phát sinh nghiệp vụ chi tiền tiếp khách, kế toán ghi phiếu chi (Biểu số 23). Kế toán tiến hành ghi vào chi tiết tài khoản 642(Biểu số 26), sổ nhật ký chung(Biểu số 27). Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái 642(Biểu số 28), Sổ cái TK 111(Biểu số 30).

Ngày 31/12 Ngân hàng quốc tế gửi giấy báo có(Biểu số 24) và sổ chi tiết tài khoản khách hàng(Biểu số 25) về thu phí dịch vụ Mobile Banking kế toán ghi vào sổ chi tiết tài khoản 642(Biểu số 26), sổ nhật ký chung(Biểu số 27). Từ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái 642(Biểu số 28), Sổ cái TK 112(Biểu số 29).

PHIẾU CHI

Quyển số

Ngày 21 tháng 12 năm 2008

Số: 10

Nợ: 642

Có: 111

Họ tên người nhận tiền: Anh Hậu

Địa chỉ:

Lý do nộp: Chi tiền tiếp khách

Số tiền: 958,182

(Viết bằng chữ): Chín trăm lăm m- ươi tám nghìn một trăm tám m- ươi hai đồng

Kèm theo: 01 (Chứng từ gốc)

Ngày 21 tháng 12 năm 2008

Giám đốc Kế toán trưởng

Người nộp tiền

Người lập phiếu Thủ quỹ

(Ký, họ tên, (Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Đóng dấu)

Đã nhận đủ số tiền(Viết bằng chữ):.....

+Tỷ lệ ngoại tệ(vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Liên gửi ra ngoài phải đóng dấu)

Biểu số 23

VIBANK

Ngân hàng quốc tế

CHI TIẾT TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG

Từ ngày 31/12/2008 đến ngày 31/12/2008

Khách hàng 0072721 CTY CP DT XD HAI AN

Tài khoản 009704060008383

Chứng từ		Mã NV	Nội dung	MGD	PS nợ	PS có
Số	Ngày					
103308576	31/12/2008	90866688876	Thu phí dịch vụ Mobi Banking	FTCR		20,000

Số d- đầu : 18,327,980

Phát sinh nợ: 20,000

Phát sinh có: .00

Số d- cuối: 18,347,980

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kiểm soát

Lập biểu

Ngân hàng TMCP quốc tế- Chi nhánh Hải Phòng
Phòng dịch vụ khách hàng

Biểu số 24**VIBANK**

Ngân hàng quốc tế

Mã GDV:FTCG

Mã KH:0072721

Số GD:1532

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kính gửi : Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Nợ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Nợ: 009704060008383

Số tiền bằng số: 20,000

Số tiền bằng chữ: Hai m- ới nghìn đồng chẵn

Nội dung: ## Thu phí dịch vụ Mobi banking##

Biểu số 25

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm 2008

Tài khoản 642 - Chi phí quản lí doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT1	1/12	Thuế môn bài phải nộp 2008	338	1,500,000	
PC	17/12	Chi c- ớc điện thoại di động	111	106,181	
PC6	17/12	Chi c- ớc điện thoại di động	111	372,330	
PC8	21/12	Chi tiền tiếp khách	111	958,182	
PC10	24/12	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	127,503	
PC	24/12	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	291,323	
GBN	31/12	Thu phí dịch vụ Mobile banking	112	20,000	
PKT93	31/12	BHXH và BHYT phải nộp cho CNV	338	616,000	
PKT109	31/12	L- ơng phải trả cho cán bộ CNV	334	14,680,000	
PKT111	31/12	Các khoản trích theo l- ơng	338	2,789,200	
PKT95	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	5,091,664	
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		26,551,383
		Cộng SPS		26,551,383	26,551,383
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)Giám đốc
(Ký, họ tên)**Biểu số 26**

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm:2008

Chứng từ Số	Ngày	Diễn giải	Tk ĐU	Số tiền phát sinh	
				Nợ	Có
.....
PC8	21/12/2008	Chi tiền tiếp khách	642	958,182	
			111		958,182
GBN	31/12/2008	Thu phí dịch vụ mobi banking	642	20,000	
			112		20,000
.....
PKT116	31/12/2008	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán	911	45,646,915	
			632		45,646,915
PKT117	31/12/2008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	26,551,383	
			642		26,551,383
PKT118	31/12/2008	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	1,576,620	
			3334		1,576,620
PKT119	31/12/2008	K/c Thuế TNDN	911	1,576,620	
			821		1,576,620
PKT120	31/12/2008	K/c Lợi nhuận sau thuế	911	4,054,166	
			421		4,054,166
		Cộng lũy kế		764,553,007	764,553,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 27

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT1	1/12	Thuế môn bài phải nộp 2008	338	1,500,000	
PC	17/12	Chi c- ớc điện thoại di động	111	106,181	
PC6	17/12	Chi c- ớc điện thoại di động	111	372,330	
PC8	21/12	Chi tiền tiếp khách	111	958,182	
PC10	24/12	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	127,503	
PC	24/12	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	291,323	
GBN	31/12	Thu phí dịch vụ Mobile banking	112	20,000	
PKT93	31/12	BHXH và BHYT phải nộp cho CNV	338	616,000	
PKT109	31/12	L- ơng phải trả cho cán bộ CNV	334	14,680,000	
PKT111	31/12	Các khoản trích theo l- ơng	338	2,789,200	
PKT95	31/12	Phân bổ KH TSCĐ	214	5,091,664	
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911		26,551,383
		Cộng SPS		26,551,383	26,551,383
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ờng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 28

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm:2008

Tài khoản 112 - Tiền gửi ngân hàng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Số d- đầu tháng 12		1,383,351	
GBC	22/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	131	9,169,000	
GBC	23/12/2008	BQLDU thanh toán tiền bảo hành	131	7,762,000	
GBC	31/12/2008	Lãi tiền gửi ngân hàng nhập gốc tiền gửi	515	13,629	
GBN	31/12/2008	Thu phí dịch vụ Mobile banking	642		20,000
		Cộng số phát sinh		16,944,629	20,000
		Số d- cuối kỳ		18,307,980	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ

(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng

(kí, họ tên)

Giám đốc

(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 29

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 111- Tiền mặt

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		D- đầu tháng 12		532,382,043	
.....
PC8	21/12/2008	Chi tiền tiếp khách	642		958,182
		Thuế GTGT đ- ọc khấu trừ	133		95,818
PC2	23/12/2008	Chi nộp thuế môn bài	3338		1,500,000
PC1	24/12/2008	Chi c- ọc dịch vụ điện thoại	642		127,503
		Thuế GTGT đ- ọc khấu trừ	133		12,750
PC	24/12/2008	Chi c- ọc dịch vụ điện thoại	642		291,323
		Thuế GTGT đ- ọc khấu trừ	133		29,132
PT5	25/12/2008	BQLDA nâng cấp đô thị Hải Phòng TT tiền công trình	133	14,043,000	
PC3	28/12/2008	Chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	3334		1,250,000
		D- cuối kỳ		579,630,846	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời ghi sổ
(kí, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(kí, họ tên)

Giám đốc
(kí, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 30

2.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty, kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ. Vì vậy ngoài chỉ tiêu về doanh thu, thu nhập để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ, kế toán còn tập hợp các khoản chi phí.

Kế toán sử dụng Tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

- Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, 515, 711, 632, 635, 642, 811. Số dư cuối quý cuối năm của các TK 511, 515, 711 được chuyển vào bên có của TK 911. Còn số dư cuối quý cuối năm của các TK còn lại được chuyển vào bên nợ của TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của công ty như sau:

+ Nếu số tiền dư Nợ TK 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lỗ và số tiền được chuyển sang bên Nợ TK 421

+ Nếu số tiền dư Có TK 911 tức là trong quý, năm kết quả kinh doanh của công ty là lãi và số tiền được chuyển sang bên Có TK 421

Kế toán hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào TK 821

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế x 28%

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
-------------------------------------------------	---	----------------------------------------	---	------------------------------

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán
-----------------------------------------------	---	-------------------------------------------------	---	------------------

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu tài chính	-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
-----------------------------------------	---	-----------------------------------------------	---	---------------------	---	------------------------------

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trừ thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trừ thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp} + \text{Lãi tiền gửi ngân hàng}$$

* Ví dụ

Căn cứ vào PKT 114(Biểu số 31), PKT 115(Biểu số 32), PKT 116(Biểu số 33), PKT 117(Biểu số 34), PKT 118(Biểu số 35), PKT 119(Biểu số 36), PKT 120(Biểu số 37), kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung của tháng 12/2008 (Biểu số 38). Từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK911(biểu số 39),Sổ cái TK 421(Biểu số 40), Sổ cái TK 821(Biểu số 41)

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 114

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	511		77,815,455
			911	77,815,455

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu

Biểu số 31

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 115

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		13,629
			911	13,629

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập biểu

Biểu số 32

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 116

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí giá vốn hàng bán	911		45,646,915
			632	45,646,915

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập biểu

Biểu số 33

Công ty cổ phần đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 117

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		26,551,383
			642	26,551,383

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập biểu

Biểu số 34

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số 118

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821		1,576,620
			3334	1,576,620

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập biểu

Biểu số 35

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số:119

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C chi phí thuế TNDN	911		1,576,620
			821	1,576,620

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập biểu

Biểu số 36

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An
139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008 Số:120

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền
1	K/C lợi nhuận sau thuế	911		4,054,166
			421	4,054,166

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập biểu

Biểu số 37

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm 2008

Chứng từ Số	Ngày	Diễn giải	Tk đối ứng	Số tiền phát sinh	
				Nợ	Có
.....
PKT114	31/12/2008	Kết chuyển doanh bán hàng cung cấp dịch vụ	511	77,815,455	
			911		77,815,455
PKT115	31/12/2008	kết chuyển doanh thu TC	515	13,629	
			911		13,629
PKT116	31/12/2008	Kết chuyển chi phí giá vốn HB	911	45,646,915	
			632		45,646,915
PKT117	31/12/2008	Kết chuyển chi phí QLDN	911	26,551,383	
			642		26,551,383
PKT118	31/12/2008	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	1,576,620	
			334		1,576,620
PKT119	31/12/2008	K/c chi phí thuế TNDN	911	1,576,620	
			821		1,576,620
PKT120	31/12/2008	K/c lợi nhuận sau thuế	911	4,054,166	
			421		4,054,166
		Cộng lũy kế		764,553,007	764,553,007

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 38

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT114	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	511		77,815,455
PKT115	31/12	Kết chuyển doanh thu TC	515		13,629
PKT116	31/12	Kết chuyển GVHB	632	45,646,915	
PKT117	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	26,551,383	
PKT119	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	821	1,576,620	
PKT120	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	421	4,054,166	
		Công SPS		77,829,084	77,829,084
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu số 39

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 421 - Lợi nhuận ch- a phân phối

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		D- đầu tháng 12/08			188,268,364
PKT118	31/12	K/c lợi nhuận sau thuế	911		4,054,166
		Cộng SPS			4,054,166
		D- cuối kỳ			192,322,530

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 40

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

SỔ CÁI

Năm 2008

Tài khoản 821- Chi phí thuế TNDN

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		D- đầu tháng 12/08			
PKT118	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	1,576,620	
PKT119	31/12	K/c chi phí thuế TNDN	911		1,576,620
		Cộng SPS		1,576,620	1,576,620
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập

Kế toán tr- ởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 41

CHƯƠNG III

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

3.1.1. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Công tác doanh thu và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là khâu quan trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh, qua đó có thể đánh giá đ- ợc thực trạng phát triển, những - u điểm và hạn chế còn tồn tại trong doanh nghiệp. Do đó việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh ngày càng đ- ợc chú trọng. Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nắm vững chức năng, nhiệm vụ của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Vì vậy cần hoàn thiện bộ máy kế toán và công tác hạch toán để góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty.

- Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh không chỉ trên lý thuyết mà phải phù hợp và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong công ty. Việc hoàn thiện công tác kế toán phải bám sát vào thực tế và trình độ quản lý của doanh nghiệp, các thông tin kế toán phải xác thực phù hợp với đặc thù hoạt động và ngành nghề kinh doanh.

3.1.2. Ưu điểm

- Về đội ngũ kế toán trong công ty:

Đội ngũ cán bộ kế toán của công ty đa số là những ng- ời có kinh nghiệm lâu năm, nhiệt tình, nhạy bén trong xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và tổng hợp

thông tin kế toán. Mạnh dạn đề xuất ý kiến của mình để đưa ra trao đổi bàn bạc để từ đó không ngừng hoàn thiện công tác kế toán của công ty.

- Về bộ máy tổ chức kế toán:

Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung, gọn nhẹ nhưng phù hợp với quy mô, đặc điểm và loại hình sản xuất kinh doanh của công ty. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ đối với công ty. Hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc tạo điều kiện nâng cao trình độ của kế toán viên trong công ty. Bộ máy kế toán tổ chức quy củ, có kế hoạch, sắp xếp chỉ đạo từ trên xuống, các báo cáo được lập nhanh chóng đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý.

- Về hình thức kế toán sử dụng:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Hình thức này đơn giản, sổ sách kế toán mở đầy đủ phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thông tin tài chính được phản ánh kịp thời, rõ ràng và đầy đủ tạo điều kiện cho lãnh đạo công ty trong công tác quản lý, từ đó có thể đưa ra các biện pháp phù hợp để chỉ đạo sản xuất.

- Về hạch toán ghi sổ:

Công ty đã áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào công tác quản lý tài chính, cụ thể là số liệu chứng từ kế toán đều được đưa vào máy tính để tính toán và lưu giữ thuận lợi cho việc báo cáo kế toán và quản lý số liệu.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng:

Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng tại công ty cũng như tài khoản sử dụng cho việc hạch toán kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phù hợp với hệ thống tài khoản được quy định hiện hành.

3.1.3. Nhược điểm

- Về hạch toán ghi sổ:

+ Hạch toán ở công ty chủ yếu được ghi chép bằng tay. Hệ thống máy ở phòng kế toán chưa thực sự được sử dụng một cách hiệu quả để phục vụ cho công tác kế toán mà chủ yếu phục vụ cho các công việc văn phòng thông thường, công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán trong việc hạch toán kế toán.

- Về sổ sách sử dụng:

+ Đối với tài khoản phải thu khách hàng hợp, kế toán không ghi sổ chi tiết phải thu khách hàng gây khó khăn trong việc theo dõi công nợ của từng đối tượng. Đồng thời kế toán cũng không lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng dẫn đến không biết được số phải thu tăng trong kỳ và số khách hàng trả trong kỳ, không thể hiện được cụ thể các lần phát sinh tăng nợ phải thu và các lần trả nợ của khách hàng;

+ Công ty không mở sổ chi tiết doanh thu bán hàng kế toán không đáp ứng kịp thời thông tin kịp thời về giá bán của các sản phẩm, ...

+ Công ty không mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho tài khoản, gây khó khăn trong việc tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm.

- Về quá trình luân chuyển chứng từ:

Quá trình luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban thường chậm trễ gây ứ đọng công việc làm khó khăn cho công tác kế toán.

- Về tổ chức kế toán quản trị:

Trong quá trình thực tập khảo sát tại công ty, công tác kế toán quản trị chưa thực sự được chú trọng. Kế toán viên mới chỉ dừng lại ở việc tính toán các chỉ tiêu, đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp năm hiện hành, chưa tổ chức phân tích, nhận xét đánh giá Báo cáo tài chính cũng như so sánh với năm trước để thấy rõ sự biến động tăng hoặc giảm của doanh thu, chi phí, ...

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẢI AN

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

Trong cơ chế thị trường biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết công ty phải hoàn thiện, đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi

mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học để có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động của tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa Báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của công ty như: chủ đầu tư, cơ quan thuế, ngân hàng,... để có được sự đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

3.2.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An

Dựa trên những hạn chế đã nêu ra và các kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần và đầu tư xây dựng Hải An như sau:

3.2.2.1. Hoàn thiện về hệ thống sổ kế toán

**Thứ nhất*

Theo dõi các khoản phải thu là công việc quan trọng trong mỗi công ty vì thế công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết phải thu khách hàng theo mẫu quy định để theo dõi tình hình phát sinh tăng giảm các khoản thanh toán nợ phải thu một cách cụ thể rõ ràng. Đồng thời kế toán lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng để dễ dàng cho việc theo dõi, đối chiếu.

Công ty nên mở Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)(Biểu số:43), Bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán) (Biểu số:44) theo mẫu của bộ tài chính.

Ví dụ: Lập Sổ chi tiết thanh toán với người mua, đối tượng là ban quản lý dự án nâng cấp đô thị Hải Phòng tháng 12/ 2008 (Biểu số: 45), đồng thời ghi bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán)(Biểu số:46)

Đơn vị:.....

Mẫu số S31 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ- BTC

ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng TBC)

Sổ chi tiết thanh toán với ng- ời mua(ng- ời bán)

(Dùng cho TK: 131,331)

Tài khoản:.....

Đối t- ợng:.....

Loại tiền: VNĐ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số d-	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số d- đầu kỳ Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh Số d- cuối kỳ	x x	x x	x	x	x	x

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:....

Ng- ời ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán tr- ờng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 43

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Bảng tổng hợp thanh toán với ng- ời mua(ng- ời bán)

TK : 131

Tháng ...năm

STT	Đối t- ợng	Số d- đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Sốđ- cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
	Cộng						

Ngày... tháng ... năm

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ợng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số: 44

Đơn vị: Công ty cổ phần đầu tư XD Hải An

Mẫu số S31 – DN

Địa chỉ: Phòng TC- KT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng TBC)**Sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán)**

Tài khoản: 131

Đối tượng: BQLDA đô thị HP

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số tiền		Số d-	
	Số	Ngày				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			D- đầu tháng 12					35,455,600	
22/12/2009	GBC	22/12/2009	Ban QLDA đô thị Hải Phòng thanh toán tiền bảo hành	112			9,169,000	26,286,600	
23/12/2009	GBC	23/12/2009	Ban QLDA đô thị Hải Phòng thanh toán tiền bảo hành	112			7,762,000	18,524,600	
25/12/2009	PT	25/12/2009	Ban QLDA đô thị Hải Phòng toán tiền công trình	111			14,043,000	4,481,600	
			Cộng SPS				30,974,000		
			D- cuối kỳ					4,481,600	

Người ghi sổ

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

Biểu số: 45

(Ký, họ tên)

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

Bảng tổng hợp thanh toán với ng- ời mua(ng- ời bán)

TK : 131

STT	Đối t- ợng	Số d- đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số d- cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	BQLDA nâng cấp đô thị HP	30,974,000			30,974,000		
2	BQLDA công trình Trì An			46,200,000		46,200,000	
3	Công ty TNHH Nakas	46,198,000				46,198,000	
4	Cty Becken và Hufang	33,460,000				33,460,000	
5	Công ty Quang Minh và Shell gas	120,405,000				120,405,000	
6	BQLDA nâng cấp CSHT ph- ờng Máy Chai	79,595,000				79,595,000	
	Cộng	310,632,000	0	46,200,000	30,974,000	325,858,000	

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng- ời lập
(ký, họ tên)

Kế toán tr- ởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số: 46

** Thứ hai*

Công ty nên lập sổ chi tiết bán hàng(Biểu số:47) theo mẫu quy định của bộ tài chính.

Mục đích: Sổ này mở theo từng sản phẩm mà doanh nghiệp đã cung cấp đ- ợc khách hàng trả ngay bằng tiền mặt hay chấp nhận thanh toán.

Ví dụ: Mở sổ chi tiết bán hàng cho công trình cấp thoát n- ớc Thành Tô (Biểu số: 48)

Đơn vị:.....
Địa chỉ:.....

Mẫu số S37 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ- BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng TBC)

Sổ chi tiết bán hàng

Tên sản phẩm (hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu t-):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531,531)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Cộng số phát sinh trong kỳ Doanh thu thuần Giá vốn hàng bán Lãi gộp						

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ng- ời ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán tr- ờng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 47

Đơn vị: Công ty CP ĐT XD Hải An

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ: Phòng TC - KT

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng TBC)**Sổ chi tiết bán hàng**

Tên sản phẩm: Công trình cấp thoát n- ớc Thành Tô

Năm: 2008

Quyển số:.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản giảm trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số l- ợng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521, 531,531)
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
16/12	HĐ099691	16/12	Quyết toán công trình cấp thoát n- ớc Thành Tô	111	1	35,815,455	35,815,455		
			Cộng số phát sinh trong kỳ				35,815,455		
			Doanh thu thuần				35,815,455		
			Giá vốn hàng bán				20,000,000		
			Lãi gộp				15,815,455		

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

Ng- ời ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Kế toán tr- ờng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 48

** Thứ ba*

Công ty có mở sổ chi tiết các tài khoản nh- ng chi tiết theo nghiệp vụ, sổ chi tiết giống với sổ cái gây ra sự trùng lập không cần thiết. Vì thế công ty nên mở sổ chi tiết theo khoản mục nh- vậy có thể theo dõi chi tiết hơn, rõ ràng hơn giúp cho việc kiểm tra đối chiếu dễ dàng. Kế toán nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số: 49) theo mẫu quy định của bộ tài chính

Ví dụ: Lập sổ chi tiết cho Tài khoản 642 tháng 12/2008(Biểu số: 50)

Mở theo các khoản mục:

TK 6421: Chí phí nhân viên quản lý(Tiền l- ơng và các khoản trích theo l- ơng theo quy định)

TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

TK 6425: Thuế môn bài

TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài(tiền điện thoại,..)

TK 6428: Chi phí khác(Chi tiền tiếp khách,..)

Đơn vị:.....

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/ 2006/ QĐ- BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ tr- ờng TBC)

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

(Dùng cho các TK 621,622,623,627,154,631,641,642,142,242,632)

- Tài khoản:.....

- Tên phân x- ởng:.....

- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản							
	Số hiệu	Ngày, tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8
			Số d- đầu kỳ									
			Số phát sinh trong kỳ									
			Cộng số phát sinh									
			Ghi có TK									
			Số d- cuối kỳ									

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:....

Ng- ời ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán tr- ởng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 49

Công ty CP đầu tư - xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền	Ghi nợ Tài khoản				
Số hiệu	Ngày tháng				Chia ra				
					6421	6424	6425	6427	6428
		Số d- đầu kỳ							
PKT1	01/12/2008	Thuế môn bài phải nộp	338	1,500,000			1,500,000		
PC	17/12/2008	Chi c- ớc điện thoại di động	111	106,181				106,181	
PC6	17/12/2008	Chi c- ớc điện thoại di động	111	371,330				371,330	
PC8	21/12/2008	Chi tiếp khách	111	958,182					958,182
PC10	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	127,503				127,503	
PC11	24/12/2008	Chi c- ớc dịch vụ điện thoại	111	291,323				291,323	
GBN	31/12/2009	Thu phí dịch vụ Mobi Banking	112	20,000				20,000	
PKT93	31/12/2008	BHYT và BHXH phải nộp cho CNV	338	616,000	616,000				
PKT109	31/12/2008	L- ơng phải trả CNV	334	14,680,000	14,680,000				
PKT111	31/12/2008	Các khoản trích theo l- ơng	338	2,789,200	2,789,200				
PKT91	31/12/2008	Phân bổ khấu hao TSCĐ	214	5,091,664		5,091,664			
		Cộng số phát sinh		26,551,383					
		Ghi có TK 642		26,551,383					
		D- cuối kỳ							

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số: 50

3.2.2.2.Hoàn thiện về hiện đại hoá công tác kế toán

Trong điều kiện khoa học phát triển nh- hiện nay thì tin học đ- ọc vận dụng một cách rộng rãi . Công ty cổ phần và đầu t- xây dựng Hải An cũng đã vận dụng tin học vào công tác quản lý cũng nh- công tác kế toán nh- ng ch- a triệt để . Ch- a áp dụng các phần mềm kế toán dẫn tới ch- a tiết kiệm lao động, báo cáo số liệu chậm, độ chính xác không cao.

Vì vậy công ty nên áp dụng các phần mềm kế toán thông dụng nh- phần mềm kế toán việt nam,... để trợ giúp cho việc hạch toán, ghi sổ kế toán. Các phần mềm rất dễ sử dụng phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán trong công ty đồng thời theo kịp được sự tiến bộ của khoa học công ty .

3.2.2.3.Hoàn thiện về quá trình luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ từ kho sang phòng tài vụ để xử lý. Chứng từ chậm trễ gây ra rất nhiều khó khăn và ảnh h- ởng tới việc tính giá thành thành phẩm hoàn thành, gây dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh h- ởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để việc tập hợp chứng từ đ- ọc thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn doanh nghiệp có thể quy định đến các ngày nhất định trong tháng các phòng, ban , kho,... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất

3.2.2.4. Một số giải pháp khác

* **Thứ nhất:** Phân tích báo cáo kết quả kinh doanh

Để tăng hiệu quả kinh tế, công ty nên tiến hành tổ chức kế toán quản trị một cách đầy đủ, kịp thời. Tiến hành phân tích, đánh giá tình hình lợi nhuận năm nay thông qua các chỉ tiêu năm tr- ớc để thấy rõ sự biến động tăng giảm về hoạt động kinh doanh năm nay có những tiến bộ và hạn chế nào. Từ đó kế toán tr- ởng có thể tham m- u với giám đốc để nâng cao hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.

Kế toán viên thực hiện kế toán quản trị doanh nghiệp phân tích Báo cáo tài chính thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2008

Chỉ tiêu	Năm tr- ớc	Năm nay	Chênh lệch	
			Số tiền	%
1.Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,046,231,520	3,077,043,446	1,030,811,926	33.500
2.Các khoản giảm trừ doanh thu				
3.Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	2,046,231,520	3,077,043,446	1,030,811,926	33.500
4.Giá vốn hàng bán	1,523,051,000	2,343,250,337	820,199,337	35.003
5.Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	523,180,520	733,793,109	210,612,589	28.702
6.Doanh thu hoạt động tài chính	956,230	642,718	-313,512	48.779
7. Chi phí tài chính				
8.Chi phí bán hàng				
9.Chi phí quản lý doanh nghiệp	245,800,000	325,742,550	79,942,550	24.542
10.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	278,336,750	408,693,277	130,356,527	31.896
11.Thu nhập khác				
12. Chi phí khác				
13.Lợi nhuận khác				
14.Tổng lợi nhuận kế toán tr- ớc thuế	278,336,750	408,693,277	130,356,527	31.896
15.Chi phí thuế TNDN hiện hành	77,934,290	114,434,117	36,499,827	31.896
16.Chi phí thuế TNDN hoãn lại				
17.Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	200,402,460	294,259,160	93,856,700	31.896

Qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có thể đ- a ra nhận xét về kết quả hoạt động kinh doanh của công ty năm 2008.

- Tổng lợi nhuận tr- ớc thuế của doanh nghiệp năm 2008 tăng so với năm 2007 số tiền là 130,356,527 đồng t- ong ứng với 31,986%. Doanh nghiệp cần phát huy trong kỳ tới

- Tổng doanh thu năm 2008 tăng so với năm 2007 số tiền là 1,030,811,926 đồng t- ong ứng với 33,5%. Chứng tỏ doanh nghiệp có thêm nhiều hợp đồng tạo dựng đ- ợc th- ong hiệu của công ty.

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2008 giảm so với năm 2007 nh- ng so giảm không đáng kể

Bảng phân tích Chi phí - Lợi nhuận

Chỉ tiêu	2007	2008	Chênh lệch
Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần	74,43	76,15	+1,72
Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần	12,01	10,59	-1,42
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	13,60	13,28	-0,32

Qua bảng phân tích lợi nhuận ta thấy đ- ợc:

- Tỷ suất giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần năm 2008 là 76,15% nh- vậy cứ 100 đồng doanh thu thuần thu đ- ợc phải bỏ ra 76,15 đồng giá vốn. Tỷ suất này năm 2007 tăng 1,72% so với năm 2007. Có nghĩa là doanh nghiệp đã không làm tốt công tác chi phí sản xuất . Doanh nghiệp cần có biện pháp khắc phục để đạt đ- ợc hiệu quả cao hơn trong kỳ tới.

- Tỷ suất chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm là 10,59% có nghĩa là cứ 100 đồng doanh thu thu đ- ợc thì phải bỏ ra 10,59 đồng chi phí quản lý doanh nghiệp. Tỷ suất này năm 2008 giảm so với năm 2007 là 1,42%. Nh- vậy trong công tác quản lý doanh nghiệp đã tiết kiệm đ- ợc nhân công văn phòng, chi phí quản lý,... Doanh nghiệp cần phát huy trong kỳ tới.

- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần năm 2008 giảm so với năm 2007 là 0,32% có nghĩa là doanh thu năm 2008 mang lại cho doanh nghiệp ít hơn năm 2007 là 0,32 đồng lãi. Nh- vậy doanh nghiệp cần đi sâu tìm hiểu nguyên nhân để có giải pháp phù hợp trong kỳ tới.

* Thứ hai

Đối với những chỗ ghi chép sai trên sổ kế toán nên vận dụng những ph- ơng pháp chữa sổ theo quy định của Nhà N- ớc. Có 3 ph- ơng pháp chữa sổ kế toán:

+ Ph- ơng pháp cải chính: Gạch ngang chỗ ghi sai, dùng mực th- ờng ghi số đúng vào khoảng trống phía trên chỗ bị gạch và ký tên bên cạnh chỗ ghi

+ Ph- ơng pháp ghi bổ sung: Dùng mực th- ờng ghi bổ sung số tiền còn thiếu theo đúng quan hệ đối ứng

+ Ph- ong pháp ghi âm: dùng mực đỏ hoặc đặt số tiền trong ngoặc để điều chỉnh giảm số tiền đã ghi sổ

VD: Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

1. Nợ TK 111: 100,000,000^{10.000.000}

Có TK 112: 100,000,000^{10.000.000}

2. Nợ TK 111: 1,000,000 ⇒ Nợ TK 111: 9,000,000

Có TK 112: 1,000,000 Có TK 11: 9,000,000

3. Nợ TK 111: 100,000,000 ⇒ Nợ TK 111: (90,000,000)

Có TK 112: 100,000,000 Có TK 112: (90,000,000)

* Thứ ba

Hiện nay công ty đang có một số khách nợ dài hạn, giá trị cũng khá lớn công ty nên đ- a ra ph- ong thức khuyến khích khách hàng thanh toán sớm hoặc tr- ớc thời hạn để bổ sung nguồn vốn vào quá trình sản xuất kinh doanh, hạn chế các khoản đi vay của công ty. Công ty có thể cho khách hàng h- ồng chiết khấu th- ơng mại nếu khách hàng thanh toán ngay hoặc thanh toán tr- ớc thời hạn thoả thuận ban đầu, có thể áp dụng đối với khách hàng thanh toán một nửa giá trị hoá đơn bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng,....

Công ty có thể hạch toán khoản chiết khấu th- ơng mại tính cho khách hàng nh- sau:

Nợ TK 521: Chiết khấu th- ơng mại

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112: Trả bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Có TK 131: Trừ vào số nợ phải thu còn lại của khách hàng

Ví dụ : Trong kỳ công ty quyết toán công trình Thành Tô, tổng giá thanh toán là: 35,815,455(ch- a có thuế GTGT). Công ty có thể cho khách hàng h- ồng khoản chiết khấu thanh toán 1% , kế toán ghi:

Nợ TK 632: 20,000,000

Có TK 154: 20,000,000

Nợ TK 111: 39,397,000

Có TK 511: 35,815,455

Có TK 3331: 3,581,545

Nợ TK 521: 358,154

Nợ TK 3331: 35,815

Có TK 111:708,969

Đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 521(Biểu số 39)

Công ty CP đầu t- xây dựng Hải An

139 Tôn Đức Thắng - Lê Chân

Sổ cái

Tháng 12 năm 2008

Tài khoản 521- Chiết khấu th-ong mại

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số	Ngày			Nợ	Có
		Tháng 12/2008			
		D- đầu kỳ			
PKT	16/12	Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	111	708,969	
PKT	31/12	K/c khoản giảm trừ doanh thu	511		708,969
		Cộng SPS		708,969	708,969
		D- cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ng-ời lập

Kế toán tr-ởng

Giám đốc

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số: 39

*. Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở công ty.

Công ty cần có đội ngũ cán bộ nhân viên kế toán không những nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kinh tế, tài chính doanh nghiệp, mà còn am hiểu thành thạo phần mềm kế toán trong phân tích, phản ánh xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị và lập Báo cáo tài chính. Hơn nữa cán bộ kế toán còn phải là ng-ời có trách nhiệm, hết lòng vì công việc hoàn thành tốt nhiệm vụ đ-ợc giao. Đảm bảo

cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ kịp thời về mọi mặt của hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp phục vụ kịp thời cho chỉ đạo quá trình kinh doanh

- Thực hiện đúng chế độ Nhà nước ban hành

- Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ, khoa học phù hợp với đặc điểm tính chất kinh doanh của doanh nghiệp. Đặc biệt chú ý trang bị ph-ong tiện kỹ thuật áp dụng kế toán máy trong thu thập xử lý các nghiệp vụ kinh tế.

- Tiếp cận các chuẩn mực quốc tế áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề vừa mang tính lý luận, vừa mang tính kinh tế cao. Trong công tác quản lý kinh tế đặc biệt trong điều kiện sự phát triển không ngừng của nền kinh tế thị trường hiện nay thì thông tin kế toán giữ vai trò hết sức quan trọng quyết định đến sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh. Do vậy kế toán phát huy được vai trò này thì việc công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một điều tất yếu.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần đầu tư xây dựng Hải An, được sự giúp đỡ nhiệt tình của các cô, các chị trong phòng kế toán, cùng với sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn là cô giáo, thạc sĩ Nguyễn Thị Mai Linh. Em đã hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp. Tuy vậy những kiến nghị của em đưa ra chỉ là sự so sánh đối chiếu giữa thực tế của công ty và những kiến thức em đã học. Vì thế còn nhiều sai sót và chưa hoàn toàn đúng đắn.

Do kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tế còn hạn chế nên bài khóa luận này không tránh khỏi những khiếm khuyết. Em rất mong được sự đóng góp ý kiến quý báu của các thầy cô giáo

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng ngày 15 tháng 6 năm 2008

Sinh viên

Vũ Thị Thuỳ